ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QUẢN TRỊ KINH DOANH**

----------------------------



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGÀNH** | **:** | **KẾ TOÁN** |
| **TRÌNH ĐỘ** | **:** | **THẠC SĨ** |
| **MÃ NGÀNH** | **:** | **8.34.03.01** |

**Thái Nguyên, 2022**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục lục** | **Trang** |
| 1. Giới thiệu về trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh | 2 |
| *1.1. Triết lý giáo dục của Trường* | 2 |
| *1.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường* | 3 |
| *1.3. Mục tiêu của Trường* | 3 |
| *1.4. Chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục* | 4 |
| *1.5. Giới thiệu về Khoa* | 4 |
| 2. Giới thiệu chương trình đào tạo | 6 |
| *2.1. Thông tin chung* | 6 |
| *2.2. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp* | 6 |
| 3. Mục tiêu của chương trình đào tạo | 7 |
| *3.1. Mục tiêu chung* | 7 |
| *3.2. Mục tiêu cụ thể* | 7 |
| 4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo | 7 |
| *4.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo* | 7 |
| *4.2. Ma trận đáp ứng của chuẩn đầu ra với mục tiêu Chương trình đào tạo, Khung trình độ quốc gia và sứ mạng, tầm nhìn của Trường* | 8 |
| 5. Đối tượng và tiêu chí tuyển sinh | 12 |
| 6. Quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp | 12 |
| *6.1. Quá trình đào tạo* | 12 |
| *6.2. Điều kiện tốt nghiệp* | 12 |
| 7. Chương trình dạy học | 13 |
| *7.1. Cấu trúc chương trình dạy học và kế hoạch giảng dạy* | 13 |
| *7.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo* | 17 |
| *7.3. Mô tả các học phần trong chương trình dạy học* | *20* |
| 8. Phương pháp giảng dạy – học tập | 69 |
| 9. Phương pháp đánh giá và hệ thống tính điểm | 71 |
| *9.1. Phương pháp đánh giá* | 71 |
| *9.2. Hệ thống tính điểm* | 72 |
| 10. Tổ chức thực hiện | 72 |

**1. Giới thiệu về trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh**

***1.1. Triết lý giáo dục của Trường***

“Phát huy tiềm năng, gắn liền thực tiễn, coi trọng chất lượng, vì tương lai người học”.

Triết lý giáo dục đó của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh được chuyển tải một cách cụ thể vào CTĐT thạc sĩ ngành Kế toán như Bảng 1.

**Bảng 1: Triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh được chuyển tải vào CTĐT thạc sĩ ngành Kế toán**

| **Chương trình đào tạo**  **ngành Thạc sĩ Kế toán** | | **Triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | ***Phát huy tiềm năng*** | ***Gắn liền thực tiễn*** | ***Coi trọng chất lượng*** | ***Vì tương lai người học*** |
| **I. Khối kiến thức chung** | Triết học | x | x | x | x |
| Tiếng Anh |  |  |  |  |
| Phương pháp nghiên cứu trong kế toán | x | x | x | x |
| **II. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành** | |  |  |  |  |
| **Khối kiến thức cơ sở** | **Các học phần bắt buộc** |  |  |  |  |
| Lý thuyết kế toán | x | x | x | x |
| Lý thuyết kiểm toán | x | x | x | x |
| Hệ thống thông tin kế toán nâng cao | x | x | x | x |
| **Các học phần tự chọn (2 học phần)** |  |  |  |  |
| Quản trị học nâng cao | x | x | x | x |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học | x | x | x | x |
| Luật kinh tế | x | x | x | x |
| Kế toán quốc tế nâng cao | x | x | x | x |
| Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán | x | x | x | x |
| Tài chính doanh nghiệp | x | x | x | x |
| Quản lý nhà nước về kinh tế | x | x | x | x |
| **Khối kiến thức chuyên ngành** | **Các học phần bắt buộc** |  |  |  |  |
| Kế toán tài chính nâng cao | x | x | x | x |
| Kế toán quản trị nâng cao | x | x | x | x |
| Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao | x | x | x | x |
| **Các học phần tự chọn (3 học phần)** |  |  |  |  |
| Phân tích BCTC nâng cao | x | x | x | x |
| Kiểm soát quản lý | x | x | x | x |
| Kiểm toán nội bộ nâng cao | x | x | x | x |
| Kế toán ngân hàng thương mại | x | x | x | x |
| Báo cáo tài chính hợp nhất | x | x | x | x |
| Kiểm soát nội bộ nâng cao | x | x | x | x |
| **Thực tập và đề án tốt nghiệp** | Chuyên đề thực tế 1 | x | x | x | x |
| Chuyên đề thực tế 2 | x | x | x | x |
| Đề án tốt nghiệp/Luận văn | x | x | x | x |

***1.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường***

**Tầm nhìn**

Trở thành trường đại học hàng đầu trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

**Sứ mạng**

Nhà trường có sứ mạng là: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng trung du, miền núi phía Bắc và cả nước”.

***1.3. Mục tiêu của Trường***

*1.2.1. Mục tiêu tổng thể*

Xây dựng Trường đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh trở thành Trường Đại học uy tín trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ trong khu vực; Một số lĩnh vực sánh ngang với các Trường Đại học hàng đầu trong cả nước và khu vực ASEAN có cùng lĩnh vực hoạt động.

*1.2.2. Mục tiêu cụ thể*

a) Xây dựng môi trường đào tạo thân thiện, lấy người học làm trung tâm, chú trọng đến chất lượng đào tạo; xây dựng và phát huy các mối quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, nhất là cộng đồng doanh nghiệp làm nền tảng cho hình thức đào tạo lý thuyết kết hợp với thực tiễn;

b) Đảm bảo kiến thức, chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng, từng bước đáp ứng được nhu cầu trong hội nhập lao động thuộc khu vực ASEAN;

c) Các công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao, được áp dụng vào thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, làm nền tảng cho công tác đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao của Nhà trường;

d) Đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, cập nhật được kiến thức tiên tiến trên thế giới, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của nền kinh tế Việt Nam;

e) Xây dựng cơ bản hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong bối cảnh nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động hội nhập quốc tế;

f) Sắp xếp lại bộ máy và nhân sự  theo hướng gọn nhẹ, năng động, phát huy được tinh thần làm chủ, tự giác, năng động sáng tạo của đội ngũ cán bộ giảng viên trong Nhà trường;

g) Hoàn thiện cơ chế quản lý nhằm phát huy tinh thần đoàn kết trong Nhà trường, huy động sự tham gia chủ động, tích cực của đội ngũ giảng viên, cán bộ phục vụ đào tạo vào sự nghiệp phát triển chung của Nhà trường;

h) Các nguồn lực tài chính được phát triển theo hướng đa dạng hóa và bền vững, hiệu quả thông qua tăng cường, mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, khai thác các hình thức huy động mới theo cơ chế mới, đặc thù; Tăng quy mô các nguồn thu của Trường, tiến tới đạt được sự tự chủ về tài chính của  trường đại học, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho Trường; Huy động mọi nguồn lực tạo nguồn tài chính đủ để đảm bảo chủ động thực hiện các dự án phát triển Nhà trường;

i) Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị trong trường, xây dựng môi trường làm việc, học tập dân chủ, kỷ cương, văn minh, hiện đại thu hút được các chuyên gia trong nước và quốc tế.

***1.4. Chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục***

Nhà trường đạt chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục năm 2017 theo Quyết định số 117/QĐ-KĐCLGD ngày 12/12/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

***1.5. Giới thiệu về Khoa Kế toán***

*1.5.1. Cơ cấu tổ chức*

Cơ cấu tổ chức của Khoa hiện có Ban Chủ nhiệm Khoa (gồm Trưởng khoa và 2 Phó Trưởng khoa) với 3 Bộ môn là: Kế toán tài chính, Nguyên lý kế toán và Kiểm toán. Trong Khoa gồm có các tổ chức đoàn thể như Chi bộ Khoa, Công đoàn Khoa, Liên chi Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên của Khoa.

*1.5.2. Chức năng, nhiệm vụ*

**Chức năng**

Khoa Kế toán có chức năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ đại học và sau đại học về kế toán, kiểm toán; Nghiên cứu khoa học,  chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**Nhiệm vụ**

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở các trình độ Cử nhân, Thạc sĩ kế toán, kiểm toán và phân tích kinh doanh;

- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế-xã hội, các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế ở  khu vực trung du, miền núi phía Bắc và cả nước.

- Cung cấp các dịch vụ tư vấn và bồi dưỡng ngắn hạn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán nhằm cập nhật và nâng cao kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp cho các đối tượng liên quan đến nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, các nhà doanh nghiệp và các đối tượng khác có nhu cầu.

*1.5.3. Đội ngũ giảng viên*

Khoa Kế toán hiện có 57 cán bộ, giảng viên trong đó có 51 giảng viên cơ hữu, 05 giảng viên kiêm nhiệm và 01 nhân viên văn phòng. Về trình độ, Khoa hiện có 01 PGS; 22 tiến sĩ; 34 thạc sĩ (trong đó có 14 GV đang đi học NCS).

*1.5.4. Điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ đào tạo*

**Cơ sở vật chất**

Nhà trường có tổng diện tích quy hoạch là 17,14 ha, trong đó diện tích đất sử dụng là 5,7 ha. Tổng diện tích sàn xây dựng là 330.588 m2, bao gồm diện tích giảng đường (phòng học, phòng thực hành máy tính, thư viện) là 14.492 m2, diện tích Nhà làm việc là 5.220 m2, ký túc xá là 9.308 m2, các công trình khác là 1.568 m2. Hệ thống sân thể thao, quảng trường sinh viên là 1.478 m2. Bên cạnh đó Nhà trường là thành viên của Đại học Thái Nguyên nên được sử dụng các công trình chung của Đại học như: Trung tâm học liệu, Nhà thi đấu đa năng, Căng tin... Để đảm bảo tốt hơn nữa công tác đào tạo, Nhà trường đã đưa vào sử dụng giảng đường Đơn nguyên 2 - GK2 với diện tích 3.250 m2 từ tháng 9/2017. Với hệ thống cơ sở vật chất hiện có Nhà trường đáp ứng đủ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các công tác chuyên môn khác.

**Trang thiết bị phục vụ đào tạo**

Tất cả các phòng học của Nhà trường được trang bị đầy đủ bục giảng, bàn ghế và bảng từ chống lóa, hệ thống chiếu sáng, quạt.Nhà trường có đủ máy chiếu (projector) phục vụ giảng dạy và NCKH, toàn bộ các phòng học tại giảng đường phục vụ cho hoạt động giảng dạy trực tiếp được lắp cố định máy chiếu; các phòng học lớn được trang bị hệ thống âm thanh (loa, âm ly, micro). Bên cạnh đó, các thiết bị khác như loa di động, máy cassette phục vụ học ngoại ngữ được trang bị và để tại phòng chờ của giáo viên của từng khu vực giảng đường để phục vụ các giáo viên có nhu cầu. Ngoài các trang thiết bị hỗ trợ dạy học tại các phòng học, Nhà trường có hệ thống phòng máy tính (gồm 05 phòng với số lượng máy tính mỗi phòng từ 21 - 60 máy) được trang bị đầy đủ máy tính, máy chiếu, tai nghe,…, được kết nối mạng LAN và mạng Internet, giúp học viên và cán bộ giáo viên nhà trường trong việc khai thác thông tin mạng, khai thác các trang Web riêng của nhà trường; cung cấp dịch vụ Web Server; cung cấp dịch vụ File Server; cung cấp dịch vụ Print Server; khai thác phần mềm thư viện (Winsis)…

**2. Giới thiệu chương trình đào tạo**

***2.1. Thông tin chung***

**Bảng 2: Thông tin chung về CTĐT**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên gọi: | Chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán |
| Bậc: | Thạc sĩ |
| Loại hình đào tạo: | Hình thức chính quy; Hình thức VLVH |
| Thời gian: | Hình thức chính quy: 1,5 – 2 năm  Hình thức VLVH: 2 - 2,5 năm |
| Số tín chỉ: | 60 tín chỉ |
| Ngôn ngữ đào tạo: | Tiếng Việt |
| Khoa quản lý: | Khoa Kế toán |
| Website: | tueba.edu.vn |
| Ban hành: | 2018 |

***2.2. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp***

*2.2.1. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp*

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán theo định hướng ứng dụng có thể đảm nhận các vị trí quản lý, lãnh đạo, chuyên gia, chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tại các loại hình đơn vị:

- Các loại hình doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

- Các đơn vị hành chính, sự nghiệp;

- Các tổ chức tài chính ngân hàng và phi ngân hàng;

- Kiểm toán nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập;

- Các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, Viện, Trung tâm nghiên cứu;

- Các đơn vị khác.

*2.2.2. Cơ hội học tập sau khi tốt nghiệp*

Tiếp tục tham gia đào tạo ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước về ngành Kế toán, Kiểm toán và các ngành có liên quan.

**3. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)**

***3.1. Mục tiêu chung***

Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kế toán nhằm trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và phân tích; phát huy và sử dụng hiệu quả các kiến thức và kỹ năng trong điều hành và tổ chức thực thi các hoạt động chuyên môn liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán của các đơn vị.

***3.2. Mục tiêu cụ thể***

- PO1: Học viên có kiến thức nâng cao về kinh tế; kiến thức tổng hợp, chuyên sâu và hiện đại trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.

- PO2: Cung cấp các kỹ năng tổ chức, thực hành các nghiệp vụ kế toán, kiểm toán và phân tích có độ phức tạp cao, có tính liên ngành.

- PO3: Nâng cao khả năng tư duy hệ thống, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu cũng như thực hiện công tác kế toán, kiểm toán và phân tích một cách độc lập, sáng tạo.

**4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes – PLOs)**

***4.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

| **PLO** | **Mã PLOs** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- |
| **PLO1:  Kiến thức** | PLO1.1 | Vận dụng được những kiến thức nâng cao về đường lối, chính sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam. |
| PLO1.2 | Có kiến thức lý thuyết vững chắc và kiến thức thực tế sâu rộng để giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích. |
| PLO1.3 | Vận dụng kiến thức chung về tài chính, quản trị và quản lý để điều hành các hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán và phân tích. |
| **PLO2:  Kỹ năng** | PLO2.1 | Phân tích cơ sở dữ liệu thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ kế toán một cách khoa học. |
| PLO2.2 | Truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. |
| PLO2.3 | Đánh giá thực trạng công việc để nâng cao hiệu quả công tác kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội. |
| PLO2.4 | Phát triển những giải pháp mới trong lĩnh vực kế toán. |
| PLO2.5 | Sử dụng trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phục vụ công tác chuyên môn. |
| **PLO3:  Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm** | PLO3.1 | Đề xuất các sáng kiến quan trọng trong quản trị tài chính, kế toán tại đơn vị. |
| PLO3.2 | Hướng dẫn người khác thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn về kế toán, kiểm toán và phân tích. |
| PLO3.3 | Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, kiểm toán. |
| PLO3.4 | Thực hiện được các hoạt động quản lý, đánh giá và cải tiến chuyên môn nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và phân tích. |

***4.2. Ma trận đáp ứng của chuẩn đầu ra với mục tiêu chương trình đào tạo, khung trình độ quốc gia và sứ mạng, tầm nhìn của Trường***

a) Ma trận đáp ứng của chuẩn đầu ra với mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT) được cho trong Bảng 3. Có thể thấy rằng học viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

**Bảng 3: Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu cụ thể**  **của chương trình đào tạo** | | **Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | |
| **PLO1.1** | **PLO1.2** | **PLO1.3** | **PLO2.1** | **PLO2.2** | **PLO2.3** | **PLO2.4** | **PLO2.5** | **PLO3.1** | **PLO 3.2** | **PLO3.3** | **PLO3.4** |
| PO1 | Học viên có kiến thức nâng cao về kinh tế; kiến thức tổng hợp, chuyên sâu và hiện đại trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích | x | x | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| PO2 | Cung cấp các kỹ năng tổ chức, thực hành các nghiệp vụ kế toán, kiểm toán và phân tích có độ phức tạp cao, có tính liên ngành |  |  |  | x | x | x | x | x |  |  |  |  |
| PO3 | Nâng cao khả năng tư duy hệ thống, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu cũng như thực hiện công tác kế toán, kiểm toán và phân tích một cách độc lập, sáng tạo |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x | x |

b) Ma trận đáp ứng của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với yêu cầu chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia (bậc 7) được thể hiện trong Bảng 4.

**Bảng 4: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT và yêu cầu CĐR trong**

**Khung trình độ quốc gia (bậc 7)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Khung trình độ quốc gia** | **Chuẩn đầu ra CTĐT thạc sĩ Kế toán** |
| ***Kiến thức*** |  |
| Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo. | PLO1.1: Vận dụng được những kiến thức nâng cao về đường lối, chính sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.  PLO1.2: Có kiến thức lý thuyết vững chắc và kiến thức thực tế sâu rộng để giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích. |
| Kiến thức liên ngành có liên quan. | PLO1.3: Vận dụng kiến thức chung về tài chính, quản trị và quản lý để điều hành các hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán và phân tích |
| Kiến thức chung về quản trị và quản lý. | PLO1.3: Vận dụng kiến thức chung về tài chính, quản trị và quản lý để điều hành các hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán và phân tích. |
| ***Kỹ năng*** |  |
| Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học. | PLO2.1: Phân tích cơ sở dữ liệu thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ kế toán một cách khoa học. |
| Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. | PLO2.2: Truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. |
| Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. | PLO2.3: Đánh giá thực trạng công việc để nâng cao hiệu quả công tác kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội. |
| Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp. | PLO2.4: Phát triển những giải pháp mới trong lĩnh vực kế toán. |
| Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. | PLO2.5: Sử dụng trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phục vụ công tác chuyên môn. |
| ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** |  |
| Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. | PLO3.1: Đề xuất các sáng kiến quan trọng trong quản trị tài chính, kế toán tại đơn vị. |
| Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. | PLO3.2: Hướng dẫn người khác thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn về kế toán, kiểm toán và phân tích |
| Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. | PLO3.3: Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, kiểm toán. |
| Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn. | PL3.4: Thực hiện được các hoạt động quản lý, đánh giá và cải tiến chuyên môn nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và phân tích. |

c) Ma trận đáp ứng củachuẩn đầu ra (CĐR) đối với các tiêu chuẩn và tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

**Bảng 5: Quan hệ giữa CĐR của CTĐT với chuẩn nghề nghiệp, tầm nhìn,**

**sứ mạng của Nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng lao động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Tầm nhìn, sứ mạng**  **của Nhà trường** | **Yêu cầu của nhà sử dụng lao động** |
| PLO1.1 | R | R |
| PLO1.2 | M | M |
| PLO1.3 | R | R |
| PLO2.1 | M | M |
| PLO2.2 | M | M |
| PLO2.3 | R | R |
| PLO2.4 | M | M |
| PLO2.5 | R | R |
| PLO3.1 | R | R |
| PLO3.2 | M | M |
| PLO3.3 | M | M |
| PLO3.4 | M | M |

**5. Đối tượng và tiêu chí tuyển sinh**

**6. Quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

***6.1. Quá trình đào tạo***

CTĐT thạc sĩ ngành Kế toán của trường ĐH Kinh tế và QTKD được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ cho phép người học linh hoạt trong kế hoạch học tập, từ đó có thể tốt nghiệp trong thời gian 1,5 - 2 năm đối với hình thức đào tạo chính quy và 2 - 2,5 năm đối với hình thức VLVH, tổng số tín chỉ của CTĐT là 60 tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính.

***6.2. Điều kiện tốt nghiệp***

Để được xét tốt nghiệp, học viên phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn quy định tại Khoản 2 Điều 27 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30/7/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

2. Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên.

3. Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng hoặc xác nhận của người có thẩm quyền được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản báo cáo giải trình, bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 33 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30/7/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

4. Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Nhà trường và Trung tâm Học liệu thuộc ĐHTN.

**7. Chương trình dạy học**

***7.1. Cấu trúc chương trình dạy học và kế hoạch giảng dạy***

*7.1.1. Cấu trúc chương trình dạy học*

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm ba phần: Kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ. Trong đó phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 6.

**Bảng 6: Các khối kiến thức và số tín chỉ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương trình dạy học** | **Số tín chỉ** | |
| **Bắt buộc** | **Tự chọn** |
| I | Kiến thức cơ bản | 12 | 0 |
| II | Kiến thức ngành | 9 | 6 |
| III | Kiến thức chuyên ngành | 9 | 9 |
| IV | Thực tập và Đề án tốt nghiệp | 15 | 0 |

Các khối kiến thức được thiết kế nhằm đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 7.

**Bảng 7: Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Khối kiến thức** | **Số tín chỉ** | **Tỷ lệ (%)** | **PLOs** | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | 1.2 | 1.3 | 2.1 | 2.2 | 2.3 | 2.4 | 2.5 | 3.1 | 3.2 | 3.3 | 3.4 |
| I | Kiến thức cơ bản | 12 | 20 | x | x |  | x | x |  |  | x | x |  | x |  |
| II | Kiến thức ngành | 15 | 25 |  | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| III | Kiến thức chuyên ngành | 18 | 30 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| IV | Thực tập và Đề án tốt nghiệp | 15 | 25 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
|  | **Tổng** | **60** | **100** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Danh sách các học phần trong chương trình dạy học phân theo khối kiến thức cụ thể như sau:

**Bảng 8: Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Học phần** | **Số TC** |
|
|
| **1. Kiến thức cơ bản** | | | **12** |
| 1 | PHI 141 | Triết học | 4 |
| 2 | ENG 151 | Tiếng Anh | 5 |
| 3 | RMA131 | Phương pháp nghiên cứu trong kế toán | 3 |
| **2. Kiến thức ngành** |  |  | **15** |
|  |  | **Các học phần bắt buộc** | **9** |
| 4 | AAT 631 | Lý thuyết kế toán | 3 |
| 5 | AUT 631 | Lý thuyết kiểm toán | 3 |
| 6 | AAI 631 | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao | 3 |
|  |  | **Các học phần tự chọn (2 học phần)** | **6** |
| 7 | MAN 631 | Quản trị học nâng cao | 3 |
| 8 | MSR 631 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 3 |
| 9 | ECL 631 | Luật kinh tế | 3 |
| 10 | AIA 631 | Kế toán quốc tế nâng cao | 3 |
| 11 | PEA 631 | Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán | 3 |
| 12 | BFI 631 | Tài chính doanh nghiệp | 3 |
| 13 | SME 631 | Quản lý nhà nước về kinh tế | 3 |
| **3. Kiến thức chuyên ngành** |  |  | **18** |
|  |  | **Các học phần bắt buộc** | **9** |
| 14 | AFA 631 | Kế toán tài chính nâng cao | 3 |
| 15 | AMA 631 | Kế toán quản trị nâng cao | 3 |
| 16 | AAF 631 | Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao | 3 |
|  | **331** | **Các học phần tự chọn (3 học phần)** | **9** |
| 17 | PAF 631 | Phân tích BCTC nâng cao | 3 |
| 18 | MCO 631 | Kiểm soát quản lý | 3 |
| 19 | AAU 631 | Kiểm toán nội bộ nâng cao | 3 |
| 20 | CBA 631 | Kế toán ngân hàng thương mại | 3 |
| 21 | CFS 631 | Báo cáo tài chính hợp nhất | 3 |
| 22 | AIC 631 | Kiểm soát nội bộ nâng cao | 3 |
| **4. Thực tập và Đề án tốt nghiệp** |  |  | **15** |
| 23 |  | Chuyên đề thực tế 1 | 3 |
| 24 |  | Chuyên đề thực tế 2 | 3 |
| 25 | ACC 907 | Đề án tốt nghiệp | 9 |
| **Tổng tín chỉ toàn khóa** | | | **60** |

*7.1.2. Kế hoạch giảng dạy*

Trình tự nội dung chương trình và bản đồ chương trình dạy học được thể hiện trong Sơ đồ 1 dưới đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm thứ nhất** | | | |
| **Học kỳ 1** | | **Học kỳ 2** | |
| **Học phần và mã học phần** | **Số tín chỉ** | **Học phần và mã học phần** | **Số tín chỉ** |
| - Bắt buộc  + Triết học - PHI141  + Tiếng Anh - ENG151  + Phương pháp nghiên cứu trong kế toán - RMA131  + Lý thuyết kế toán – AAT 631 | 4  5  3  3  **15** | - Bắt buộc  + Lý thuyết kiểm toán – AUT 631  + HTTTKT nâng cao – AAI 631  + Kế toán tài chính nâng cao - AFA 631  - Tự chọn  + Học phần 1 (Kiến thức ngành)  + Học phần 2 (Kiến thức ngành) | 3  3  3  3  3  **15** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm thứ hai** | | | |
| **Học kỳ 1** | | **Học kỳ 2** | |
| **Học phần và mã học phần** | **Số tín chỉ** | **Thực hiện luận văn thạc sĩ** | **Số tín chỉ** |
| - Bắt buộc  + Kế toán quản trị nâng cao – AMA631  + Kiểm toán BCTC nâng cao – AAF631  - Tự chọn  + Học phần 1 (Kiến thức chuyên ngành)  + Học phần 2 (Kiến thức chuyên ngành)  + Học phần 3 (Kiến thức chuyên ngành) | 3  3  3  3  3  **15** | Chuyên đề thực tế 1  Chuyên đề thực tế 2  Đề án tốt nghiệp ACC 907 | 3  3  9  **15** |

**Tốt nghiệp**

**Sơ đồ 1: Bản đồ chương trình dạy học ngành thạc sĩ Kế toán**

Kế hoạch giảng dạy đối với CTĐT thạc sĩ ngành Kế toán như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học kỳ** | **Tổng số tín chỉ** | **Học phần** | **Mã học phần** | **Số**  **tín chỉ** | **Điều kiện** | | | |
| **Bắt buộc** | **Tự chọn** | **Tiên quyết** | **Học trước** |
| 1 | 15 | Triết học | PHI 141 | 4 | x |  |  |  |
| Tiếng Anh | ENG 151 | 5 | x |  |  |  |
| Phương pháp nghiên cứu trong kế toán | RMA131 | 3 | x |  |  |  |
| Học phần tự chọn 1 (Môn cơ bản) |  | 3 |  | x |  |  |
| 2 | 12 | Lý thuyết kế toán | AAT 631 | 3 | x |  | x |  |
| Lý thuyết kiểm toán | AUT 631 | 3 | x |  |  | x |
| HTTTKT nâng cao | AAI 631 | 3 | x |  |  |  |
| Học phần tự chọn 2 (Môn cơ bản) |  | 3 |  | x |  |  |
| 3 | 18 | Kế toán tài chính nâng cao | AFA 631 | 3 | x |  |  | x |
| Kế toán quản trị nâng cao | AMA631 | 3 | x |  |  |  |
| Kiểm toán BCTC nâng cao | AAF 631 | 3 | x |  |  |  |
| Học phần tự chọn 1 (Môn chuyên ngành) |  | 3 |  | x |  |  |
| Học phần tự chọn 2 (Môn chuyên ngành) |  | 3 |  | x |  |  |
| Học phần tự chọn 3 (Môn chuyên ngành) |  | 3 |  | x |  |  |
| 4 | 15 | Chuyên đề thực tế 1 |  | 3 | x |  |  |  |
| Chuyên đề thực tế 2 |  | 3 | x |  |  |  |
| Đề án tốt nghiệp | ACC 907 | 9 | x |  |  |  |

*Ghi chú:*

- Học phần Lý thuyết kế toán là học phần tiên quyết mà người học ngành thạc sĩ Kế toán phải tích lũy đạt yêu cầu để đăng ký học các học phần Kế toán tài chính nâng cao, kế toán quản trị nâng cao.

- Học phần Lý thuyết kiểm toán và học phần Kế toán tài chính nâng cao là học phần học trước mà người học ngành thạc sĩ Kế toán phải tích lũy đạt yêu cầu để đăng ký Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao.

***7.2.* *Ma trận đáp ứng giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

*Lưu ý: Trong CTĐT có các học phần tự chọn đã được phân nhóm theo tổ hợp dựa trên tính tương đồng giữa các học phần, vì vậy nên xác định mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra đặc trưng chung cho nhóm.*

Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được thể hiện trong bảng 9.

**Bảng 9: Ma trận đáp ứng giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO 1.1 | PLO 1.2 | PLO 1.3 | PLO 2.1 | PLO 2.2 | PLO 2.3 | PLO 2.4 | PLO 2.5 | PLO 3.1 | PLO 3.2 | PLO 3.3 | PLO 3.4 |
| Triết học | R | R | R |  | M | M |  |  |  |  |  | M |
| Tiếng Anh |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |
| Phương pháp nghiên cứu trong kế toán |  | M | R | M | R | R |  |  |  |  |  | I |
| Lý thuyết kế toán |  | R |  | R |  | M | R |  | R | M |  |  |
| Lý thuyết kiểm toán |  | R |  | R | R | R | R | R | M | M | M |  |
| Hệ thống thông tin kế toán nâng cao |  | R | M | M |  | R | M |  | R |  | R | M |
| Quản trị học nâng cao |  |  | M |  |  | M |  |  |  |  |  | M |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học | I | R | M |  | M | R |  |  |  |  |  |  |
| Luật kinh tế | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I |
| Kế toán quốc tế nâng cao |  | M |  | M |  | M |  |  | M | M |  |  |
| Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán |  | R |  | R |  | M |  |  |  |  | M | R |
| Tài chính doanh nghiệp | M |  | M | M | M |  | M |  |  | R |  |  |
| Quản lý nhà nước về kinh tế | M |  | M |  |  | M |  |  | R |  |  |  |
| Kế toán tài chính nâng cao |  | M | M | R | R | M |  |  |  | M | M |  |
|  | PLO 1.1 | PLO 1.2 | PLO 1.3 | PLO 2.1 | PLO 2.2 | PLO 2.3 | PLO 2.4 | PLO 2.5 | PLO 3.1 | PLO 3.2 | PLO 3.3 | PLO 3.4 |
| Kế toán quản trị nâng cao |  | R |  | M |  | M |  |  | M |  |  | M |
| Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao |  | R | M |  | M | M |  |  |  | M | M | M |
| Phân tích BCTC nâng cao |  | M | M | M |  | M |  |  | M |  | M | M |
| Kiểm soát quản lý |  | R | M | M | M |  |  |  |  | M | M | M |
| Kiểm toán nội bộ nâng cao | M | M | M |  |  | R |  |  | R |  | I | I |
| Kế toán ngân hàng thương mại |  | R | M | M | R | M |  |  | R | R | M |  |
| Báo cáo tài chính hợp nhất |  | M | R | M | R |  |  |  | R |  | I |  |
| Kiểm soát nội bộ nâng cao | M | M |  | R |  | R | M |  |  | R | M | M |
| Chuyên đề thực tế 1 | R | M | M | M | R | M |  | R | M | M | R | M |
| Chuyên đề thực tế 2 | R | M | M | M | R | M |  |  | M |  | R | R |
| Đề án tốt nghiệp | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M |

***7.3.* *Mô tả các học phần trong chương trình dạy học***

***7.3.1. Học phần 1: Triết học***

Số tín chỉ: 04 tín chỉ (3/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Chương trình môn Triết học Mác - Lênin có 8 chương thông qua đó nhằm giới thiệu khái luận về triết học, các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật và quan điểm duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin thông qua những nguyên lý, quy luật, phạm trù cơ bản. Qua học tập, nghiên cứu học phần triết học trang bị cho học viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật giúp học viên có thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng, nâng cao trình độ tự giác trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, trau dồi phẩm chất chính trị, tinh thần và năng lực tư duy sáng tạo.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **(Goals)** | **Mô tả**  **(Goal description)** | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| CO1 | Nắm được khái quát về đặc điểm, nội dung lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và triết học Mác – Lênin; Hiểu được các nội dung nâng cao về triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay giúp học viên trang bị thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật vững vàng lập trường, quan điểm của chủ nghĩa chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức và giải quyết những vấn đề kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội trong thực tiễn. | PLO1.1  PLO1.2  PLO1.3 | 3 |
| CO2 | Củng cố và tiếp tục rèn luyện khả năng tư duy logic, biện chứng; vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin vào hoạt động nhận thức và thực tiễn; củng cố và tiếp tục xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. | PLO2.2  PLO2.3 | 4 |
| CO3 | Tôn trọng quy luật khách quan trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, phát huy vai trò của nhân tố chủ quan; hình thành niềm tin, xác lập cơ sở lý luận đúng đắn, khoa học về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng lối sống đẹp, đạo đức trong sáng. | PLO3.3  PLO3.4 | 5 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **­Chuẩn đầu ra HP** | | **Mô tả** | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **Sau khi học xong môn học này, người học có thể:** |
| **CLO1** | **CLO1.1** | Trình bày được kiến thức về: Vấn đề cơ bản của triết học, sự hình thành và phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử, triết học và vai trò của nó trong đời sống xã hội, sự kế thừa, phát triển và vận dụng triết học Mác – Lênin trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. | PL01.1 | 3 |
| **CLO1.2** | Hiểu được vấn đề bản thể luận trong lịch sử triết học và triết học Mác – Lênin hình thành thế giới quan duy vật khoa học. | PLO1.1 | 3 |
| **CLO1.3** | Hiểu sâu kiến thức về: phép biện chứng, nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật bao gồm các nguyên lý, quy luật và phạm trù cơ bản; lý luận nhận thức duy vật biện chứng nhằm hình thành phương pháp luận biện chứng duy vật và vận dụng sáng tạo phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam hiện nay. | PLO1.1  PLO1.2  PLO1.3 | 3 |
| **CLO1.4** | Hiểu và đánh giá được nội dung, giá trị khoa học cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế xã hội; vấn đề triết học chính trị; mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, vấn đề con người trong triết học Mác - Lênin và vận dụng sáng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. | PLO1.1  PLO1.2  PLO1.3 | 3 |
| **CLO2** | **CLO2.1** | Nâng cao năng lực tư duy logic, hệ thống về kiến thức lịch sử triết học và triết học Mác - Lênin. | PLO2.2  PLO2.3 | 4 |
| **CLO2.2** | Phát triển năng lực tư duy biện chứng về hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. | PLO2.2  PLO2.3 | 4 |
| **CLO2.3** | Khả năng nhận thức, phản biện và vận dụng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật giải quyết các vấn đề trong nhận thức và hoạt động kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội trong thực tiễn. | PLO2.2  PLO2.3 | 4 |
| **CLO3** | **CLO3.1** | Tôn trọng lịch sử, biết kế thừa tư tưởng lịch sử triết học có giá trị trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. | PLO3.4 | 5 |
| **CLO3.2** | Tôn trọng hiện thực khách quan, phát huy tính năng động sáng tạo của nhân tố chủ quan, vận dụng quy luật khách quan của phép biện chứng duy vật trong nhận thức, hoạt động thực tiễn và sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. | PLO3.4 | 5 |
| **CLO3.3** | Nhận diện, luận giải, phản biện các vấn đề kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội trên lập trường của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng đạo đức nghề nghiệp chuyên môn gắn với hoạt động kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. | PLO3.4 | 5 |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR CTĐT  CĐR học phần | | PLO  1.1 | PLO  1.2 | PLO  1.3 | PLO  2.1 | PLO  2.2 | PLO  2.3 | PLO  2.4 | PLO  2.5 | PLO  3.1 | PLO  3.2 | PLO  3.3 | PLO  3.4 |
| CLO1 | CLO1.1 | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.3 | R | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.4 | R | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | CLO2.1 |  |  |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.3 |  |  |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 | CLO3.1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| CLO3.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| CLO3.3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***7.3.2. Học phần 2: Tiếng Anh***

Số tín chỉ: 05 tín chỉ (3/2) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Tiếng Anh cao học là học phần kiến thức chung được xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu về xây dựng khung

chương trình theo chuẩn đầu ra B4 (bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) áp dụng đối với học viên cao học. Do vậy, giáo trình chính được sử dụng trong học phần tích hợp đủ bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Các chủ điểm quen thuộc đều được đề cập như bản thân, sở thích, môi trường, công việc, sức khỏe… Trên cơ sở đó, có sự tích hợp các giáo trình khác nhằm bổ trợ cho học viên kiến thức của bài thi Vstep, nhằm đánh giá năng lực bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu *(Goals)*** | **Mô tả**  ***(Goal description)***  ***Học phần này trang bị cho sinh viên*** | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **CO1** | - Nắm được những kiến thức ngôn ngữ cơ bản về phạm trù từ vựng, ngữ pháp liên quan đến các chủ đề giao tiếp được giới thiệu trong các bài học.  - Hiểu và vận dụng được các kiến thức và kỹ năng đã học trong giao tiếp sử dụng tiếng Anh ở trình độ trung cấp.  - Có thể vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học để hoàn thành bài thi năng lực tiếng Anh chuẩn đầu ra bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. | *PLO2.5 Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán* | 3, 4 |
| **CO2** | - Phát triển kĩ năng mềm cần thiết cho quá trình công tác trong các lĩnh vực chuyên môn. | *PLO2.5 Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán* | 4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  ***Sau khi học xong môn này, người học có thể*** | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **CLO1** | - Nắm được những kiến thức thức từ vựng, ngữ pháp cần thiết cho các hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh trong thực tế đời sống, học tập và công việc.  - Có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế quen thuộc liên quan đến cá nhân, học tập và công việc chuyên môn. Cụ thể:  - Hội thoại trực tiếp được bằng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp và trình bày được quan điểm cá nhân về các chủ điểm ở bậc trung cấp.  - Có khả năng thuyết trình bằng tiếng Anh về các chủ đề được cung cấp.  - Nghe hiểu được các giao tiếp bằng tiếng Anh trực tiếp hoặc qua các thiết bị thu phát, nghe được những bài nói chuyện, bài giảng, thuyết trình ở trình độ trung cấp.  - Đọc được những bài báo, báo cáo, thư tín thương mại, các văn bản ở trình độ trung cấp.  - Viết được những văn bản ngắn trong giao tiếp thông thường như email, lời nhắn, ghi chú, thư từ trao đổi cá nhân, đoạn văn ngắn và biết cách hoàn thành các bài luận mang tính học thuật. | *PLO2.5 Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán* | 3, 4 |
|  | - Có thể vận dụng linh hoạt kĩ năng làm bài thi được giới thiệu trong chương trình vào quá trình làm bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ để đáp ứng chuẩn đầu ra theo quy định. |  |
| **CLO2** | - Phát triển kĩ năng giao tiếp, thuyết trình.  - Phát triển kĩ năng làm việc nhóm.  - Củng cố tư duy phân tích, phản biện.  - Phát triển năng lực làm việc độc lập, có nhận thức về tinh thần trách nhiệm. | *PLO2.5 Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán* | 4 |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| *PLO2* |
| **2.5** |
| CLO1 | M |
| CLO2 | R |

***7.3.3. Học phần 3: Phương pháp nghiên cứu trong kế toán***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Phương pháp nghiên cứu trong Kế toán là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đào tạo thạc sỹ Kế toán, nhằm giới thiệu cho học viên những vấn đề lý luận về phương pháp nghiên cứu trong Kế toán – Kiểm toán nhằm giúp người học có hiểu biết về việc thực hiện một nghiên cứu khoa học. Học phần này giúp người học (i) trình bày những kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học, cách hình thành ý tưởng nghiên cứu, xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu, (ii) các đo lường trong nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu, thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu, (iii) giới thiệu cách xây dựng một đề cương nghiên cứu, cách viết và trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học. Đây là những kiến thức mà học viênđại học chuyên ngành kế toán chưa được đề cập đến hoặc đề cập chưa sâu trong chương trình đào tạo kế toán tại các trường đại học ở Việt Nam.

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Có kiến thức lý thuyết và nhận diện được các loại nghiên cứu khoa học, vấn đề cần nghiên cứu và quy trình nghiên cứu | PLO1.2 |
| **CO2** | Có kiến thức và nắm vững các yêu cầu nghiên cứu trong chuyên đề, tiểu luận và luận văn tốt nghiệp của học viên cao học ngành Kế toán, Kiểm toán. | PLO1.2; PLO1.3 |
| **CO3** | Có kiến thức và nắm vững phương pháp trình bày mục tiêu, giả thuyết, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu. | PLO1.2; PLO1.3 |
| **CO4** | Phân tích số liệu và giải thích kết quả nghiên cứu | PLO2.1; PLO2.3 |
| **CO5** | Phát triển các kỹ năng về tổ chức thực hiện công việc và kỹ năng làm việc nhóm | PLO2.2 |
| **CO6** | Hành xử chuyên nghiệp, có trách nhiệm và tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp | PLO3.4 |

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Xác định các vấn đề nghiên cứu |
| **CLO2** | Viết được đề cương nghiên cứu trong chuyên đề ngành, tiểu luận, luận văn tốt nghiệp và các đề tài nghiên cứu khoa học |
| **CLO3** | Thu thập, xử lý số liệu |
| **CLO4** | Trình bày được các kết quả nghiên cứu |
| **CLO5** | Tổ chức hoạt động nghiên cứu |
| **CLO6** | Phát triển được các kỹ năng về tổ chức thực hiện công việc, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng nắng nghe, kỹ năng giao tiếp và ứng xử |
| **CLO7** | Làm việc hiệu quả nhóm |
| **CLO8** | Có bản lĩnh, tự tin nhiệt tình, đam mê nghề nghiệp, có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, sãn sàng làm việc độc lập, làm việc với người khác có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm |
| **CLO9** | Trung thực trách nhiệm, tin cậy, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp. |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **PLO1.2** | **PLO1.3** | **PLO2.1** | **PLO2.2** | **PLO2.3** | **PLO3.4** |
| **CLO1** | M | R | R | R | R | I |
| **CLO2** | M | R | R | R | R | I |
| **CLO3** | M | R | R | I | R | I |
| **CLO4** | M | R | R | R | R | I |
| **CLO5** | M | R | M | R | R | I |
| **CLO6** | M | R | R | R | R | I |
| **CLO7** | R | R | R | R | R | I |
| **CLO8** | M | R | R | R | R | I |
| **CLO9** | M | R | R | R | R | I |

***7.3.4. Học phần 4: Lý thuyết kế toán***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần lý thuyết kế toán thuộc chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán nhằm giới thiệu cho học viên những kiến thức lý thuyết kế toán nâng cao, như: Cách thức tiếp cận khoa học kế toán, các nền tảng lý thuyết kế toán cơ bản và hiện đại, các loại hình kế toán và xu hướng phát triển của kế toán hiện đại. Ngoài ra, học phần sẽ kế thừa nội dung nghiên cứu các phương pháp kế toán của chương trình đào tạo cử nhân, để hướng học viên tiếp cận theo mục tiêu phân tích bản chất và ý nghĩa của thông tin kế toán.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về kinh tế, kiến thức chuyên sâu về Kế toán... Đồng thời, học viên có khả năng cập nhật các kiến thức mới về kế toán, kiểm toán và tài chính gắn với thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn | PLO1.2  PLO1.3 |
| **CO2** | Nâng cao khả năng tư duy hệ thống, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu cũng như thực hiện công tác kế toán, kiểm toán một cách độc lập, sáng tạo | PLO2.1  PLO2.4 |
| **CO3** | Cung cấp các kỹ năng tổ chức, thực hành các nghiệp vụ kế toán có độ phức tạp cao có tính liên ngành. | PLO3.1  PLO3.2 |

***CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | **CLO1.1** | Vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về đường lối, chính sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam |
| **CLO1.2** | Phân tích được các kiến thức về pháp luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán, đạo đức và tôn chỉ nghề nghiệp nhằm đáp ứng và thích nghi các yêu cầu của công việc kế toán trong điều kiện hội nhập kinh tế |
| **CLO1.3** | Tổng hợp thông tin tài chính để đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị, hoạch định chính sách tài chính… |
| **CLO1.4** | Vận dụng kiến thức chuyên sâu về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn kế toán và kiểm toán |
| **CLO2** | **CLO2.1** | Phản biện và đánh giá cơ sở dữ liệu thông tin của đơn vị trong lĩnh vực kế toán một cách khoa học và tiên tiến |
| **CLO2.2** | Nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng những giải pháp mới trong lĩnh vực kế toán. |
| **CLO2.3** | Truyền đạt, phổ biến tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán chuyên sâu |
| **CLO2.4** | Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam |
| **CLO2.5** | Đánh giá để nâng cao hiệu quả công tác kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội |
| **CLO3** | **CLO3.1** | Linh hoạt và sáng tạo trong việc quản trị tài chính, kế toán tại đơn vị. |
| **CLO3.2** | Tự định hướng, thích ứng với môi trường nghề nghiệp kế toán thay đổi |
| **CLO3.3** | Giải quyết các vấn đề chuyên môn sâu về kế toán và kiểm toán |
| **CLO3.4** | Có năng lực hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ |
| **CLO3.5** | Có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các qui định nghề nghiệp, đáp ứng các yêu cầu đạo đức cá nhân và nghề nghiệp kế toán. |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | CLO  1.2 | CLO  1.4 | CLO  2.1 | CLO  2.2 | CLO  2.3 | CLO  2.5 | CLO  3.4 |
| PLO1.2 |  |  |  |  |  |  | R |
| PLO2.1 | R |  |  |  |  |  |  |
| PLO2.3 |  |  |  |  |  | M |  |
| PLO2.4 |  |  | R |  |  |  |  |
| PLO3.1 |  |  |  | R |  |  |  |
| PLO3.2 |  | R |  |  | M |  |  |

***7.3.5. Học phần 5: Lý thuyết kiểm toán***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Lý thuyết kiểm toán là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở được xây dựng trên cơ sở chọn lọc và phát triển nâng cao những kiến thức căn bản của kiểm toán của bậc đại học. Học phần này bao gồm những vấn đề cơ bản của kiểm toán được tiếp cận ở mức độ chuyên sâu hơn hoặc nâng tầm luận giải cao hơn nhằm giới thiệu cho học viên những kiến thức chuyên sâu về kiểm toán hiện đại, có thể luận giải được những vấn đề lớn của kiểm toán nói chung, các loại hình kiểm toán và các giai đoạn trong quy trình kiểm toán nói riêng.

**Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)**

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Kiến thức chuyên sâu về một số đối tượng kiểm toán chủ yếu trên thế giới và tại Việt Nam; Một số loại hình kiểm toán phổ biến tại Việt Nam | PLO 02; PLO 04;  PLO 14 |
| **CO2** | Khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề chuyên sâu liên quan trong từng khâu công việc kiểm toán cũng như thực hiện trách nhiệm của KTV về lập kế hoạch kiểm toán, thu thập, đánh giá bằng chứng kiểm toán, lập báo cáo kiểm toán, tổ chức và hoàn thiện hồ sơ kiểm toán. | PLO 04; PLO 05; PLO 06; PLO 07; PLO 08; PLO12; PLO 13; PLO 14 |
| **CO3** | Kỹ năng làm việc nhóm | PLO 05; PLO 06; PLO 07; PLO 08; PLO 10; PLO 11; PLO 13 |
| **CO4** | Thiết kế được một cuộc kiểm toán | PLO 12; PLO 13 |

**Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | **CLO1.1** | Nắm được những kiến thức chuyên sâu, những vấn đề lớn về kiểm toán trên thế giới và Việt Nam như: kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ |
| **CLO1.2** | Xác định được những vấn đề một cách chuyên sâu về Kiểm toán nhà nước, Kiểm toán độc lâp, Kiểm toán nội bộ tại Việt Nam |
| **CLO2** | **CLO2.1** | Phân tích, giải thích, lập luận và mô tả các nội dung chuyên sâu các bước công việc liên quan đến lập kế hoạch kiểm toán: |
| **CLO2.2** | Phân tích, giải thích, lập luận và mô tả các nội dung chuyên sâu các bước công việc liên quan đến thực hiện kiểm toán |
| **CLO2.3** | Phân tích, giải thích, lập luận và mô tả các nội dung chuyên sâu các bước công việc liên quan đến kết thúc kiểm toán |
| **CLO3** | | Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề chuyên sâu liên quan đến kiểm toán |
| **CLO4** | | **Tổ chức công tác kiểm toán trong các tổ chức, Lập và diễn giải các dạng báo cáo kiểm toán.** |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO 1.2 | PLO 2.1 | PLO 2.2 | PLO 2.3 | PLO 2.4 | PLO 2.5 | PLO 3.1 | PLO 3.2 | PLO 3.3 |
| CLO1 | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  | R | R | R | R | R |  |  | M |
| CLO3 |  |  | R | R | R | R | M | M |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  | M |

***7.3.6. Học phần 6: Hệ thống thông tin kế toán nâng cao***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Hệ thống thông tin kế toán nâng cao sẽ giúp học viên nghiên cứu chuyên sâu về một số nội dung hệ thống thông tin kế toán: tổ chức và xử lý dữ liệu theo mô hình Reaal để xử lý hoạt động kinh doanh; kiểm soát hệ thống thông tin kế toán; chu trình kinh doanh cơ bản; tổ chức hệ thống thông tin kế toán; phần mềm kế toán. Từ đó, giúp học viên đánh giá và tổ chức được hệ thống thông tin kế toán đặc biệt trong điều kiện tin học hóa và xây dựng hệ thống kiểm soát hiệu quả trong đơn vị.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| CO1 | Kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán: Khái niệm, bản chất, phân loại và cấu trúc của hệ thống thông tin kế toán; cơ sở dữ liệu và mô hình dữ liệu thông tin kế toán; chu trình kế toán; kiểm soát nội bộ hệ thống thông tin kế toán. | PLO1.2  PLO1.3 |
| CO2 | Có kỹ năng sử dụng công cụ kỹ thuật mô tả thông tin để trình bày, phân tích, lập luận và đánh giá về chu trình kế toán, kiểm soát nội bộ thông tin kế toán nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị ra quyết định kinh doanh trong đơn vị. | PLO2.1  PLO2.3  PLO2.4 |
| CO3 | Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và giải quyết các vấn đề liên quan đến hệ thống thông tin kế toán. Tu dưỡng phẩm chất đạo đức cá nhân, tự định hướng và thích nghi với công việc kế toán. | PLO 3.1  PLO3.3  PLO3.4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Hiểu được khái niệm, bản chất, phân loại, cấu trúc của hệ thống thông tin kế toán, cơ sở dữ liệu và mô hình cơ sở dữ liệu, kiểm soát nội bộ HTTTKT, chu trình kế toán về doanh thu, chi phí, sản xuất. |
| **CLO2** | Có kỹ năng trình bày và phân tích thông tin kế toán dưới các công cụ kỹ thuật mô tả thông tin kế toán. |
| Có kỹ năng lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết các vấn đề liên quan đến thông tin kế toán cung cấp, kiểm soát nội bộ các thông tin kế toán nhằm phục vụ cho nhà quản trị và giúp nhà quản trị lựa chọn được phương án kinh doanh tối ưu nhất. |
| Có kỹ năng tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin, liên quan đến HTTTKT để phục vụ cho chuyên môn, nghiệp vụ. |
| **CLO3** | Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và giải quyết các vấn đề liên quan đến hệ thống thông tin kế toán. Tu dưỡng phẩm chất đạo đức cá nhân, tự định hướng và thích nghi với công việc kế toán. |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.2 | PLO1.3 | PLO2.1 | PLO2.3 | PLO2.4 | PLO3.1 | PLO3.3 | PLO3.4 |
| CLO1 | R | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | M | R | M |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  | R | R | M |

***7.3.7. Học phần 7: Quản trị học nâng cao***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Quản trị học thuộc CTĐT thạc sỹ kế toán nhằm giới thiệu cho học viên kiến thức về quản trị các hoạt động của một tổ chức nhằm đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện mục tiêu chung. Giúp học viên có khả năng phân tích tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để xây dựng chính sách phát triển của tổ chức thông qua các chức năng của hoạt động quản trị.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **CTĐT thạc sỹ kế toán** | **Trình độ năng lực** |
| CO1 | Kiến thức nâng cao về quản trị tổ chức, có khả năng tự cập nhật, trang bị cho mình những phương pháp khoa học, quan điểm khoa học trong giải quyết các vấn đề của quản trị tổ chức, có tư duy phản biện, có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới trong lĩnh vực này. | PLO1: 1.3 | 4 |
| CO2 | Kỹ năng phân tích, lập luận và vận dụng các công cụ quản trị cơ bản để giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức nói chung | PLO2: 2.3 | 4 |
| CO3 | Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới liên quan đến kiến thức về Quản trị học. | PLO3: 3.4 | 4 |

***CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* | **CTĐT thạc sỹ kế toán** | **Trình độ năng lực** |
| CLO1 | Trình bày được những vấn đề cơ bản có tính tổng quan về quản trị trong các tổ chức, quá trình ra quyết định trong quản trị tổ chức, quản trị sự thay đổi và đổi mới, truyền thông, quản trị xung đột và lãnh đạo nhóm làm việc trong tổ chức | PLO1: 1.3 | 4 |
| CLO2 | Kỹ năng tư duy hệ thống về các vấn đề quản trị trong tổ chức, xây dựng kế hoạch, lựa chọn cơ cấu tổ chức và lãnh đạo hiệu quả con người trong tổ chức. | PLO2: 2.3 | 4 |
| CLO3 | Áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để ra quyết định trong một số các tình huống liên quan đến các chức năng của nhà quản trị. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức | PLO2: 2.3 | 4 |
| CLO4 | Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị, quản lý; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Có khả năng tự chủ, tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; | PLO3: 3.4 | 4 |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT Quản lý kinh tế**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*- Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*- Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*- Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT Kế toán** | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | **PLO2** | | | | | | **PLO3** | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** | **3.4** |
| CLO1 |  |  | M |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  | M | |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  | M | |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | M |

***7.3.8. Học phần 8: Phương pháp nghiên cứu khoa học***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khoa kinh tế nhằm giới thiệu cho học viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về cách thức tiến hành một nghiên cứu khoa học nói chung một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Đồng thời, học phần còn tăng cường cho học viên các kiến thức cơ bản về kết cấu, văn phong cũng như hình thức trình bày của một báo cáo khoa học nói chung và luận văn thạc sĩ nói riêng.

**Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)**

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Học phần cung cấp kiến thức về cách thức tiến hành nghiên cứu một đề tài thạc sĩ hay viết bài báo khoa học từ việc hình thành ý tưởng, viết đề cương nghiên cứu đến các phương pháp thu thập số liệu, xử lý số liệu và viết kết quả nghiên cứu thành đề tài hoàn chỉnh. Ngoài ra, học phần còn giúp học viên có khả năng áp dụng một số phương pháp phổ biến nhất vào quá trình nghiên cứu cho một dự án hoặc một đề tài nghiên cứu khoa học. | PLO1.1  PLO1.2  PLO1.3 |
| **CO2** | Phát triển kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề một cách khoa học. kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý thông tin phục vụ cho nghiên cứu. | PLO2.2 |
| **CO3** | Có khả năng tự định hướng, tự nghiên cứu | PLO3.3 |

**Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Hiểu được quy trình để thực hiện một nghiên cứu khoa học (một đề tài, một báo cáo, bài báo khoa học). |
| **CLO2** | Vận dụng được phương pháp phân tích định tính, định lượng. |
| **CLO3** | Áp dụng để xây dựng đề cương chi tiết cho vấn đề nghiên cứu cụ thể |
| **CLO4** | Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm |
| **CLO5** | Tư duy và chủ động đề xuất một định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.1 | PLO1.2 | PLO1.3 | PLO2.2 | PLO3.3 |
| CLO1 | I | R | M | M | R |
| CLO2 | I | I | R | R | R |
| CLO3 | I | R | R | M | M |

***7.3.9. Học phần 9: Luật kinh tế***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Luật Kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về Luật Kinh tế ở Việt Nam; việc sử dụng công cụ pháp luật trong quản lý nhà nước về kinh tế; địa vị pháp lý của các loại hình chủ thể kinh doanh; Các vấn đề pháp lý về hợp đồng trong hoạt động kinh doanh thương mại; các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại; các vấn đề cơ bản về phá sản doanh nghiệp.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Hiểu và phân tích được những kiến thức pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường | PLO1.1 |
| **CO2** | Kỹ năng phân tích, lập luận và vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh. |  |
| **CO3** | Khả năng làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật trong hoạt độngkinh doanh của các chủ thể kinh doanh. | PLO3.4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Hiểu và phân tích được những kiến thức về luật kinh tế ở Việt Nam nói chung và các vấn đề pháp lý trong hoạt động kinh tế nói riêng như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, hợp đồng trong kinh doanh thương mại, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, phá sản doanh nghiệp. |
| **CLO2** | Vận dụng các quy định pháp luật về chủ thể kinh doanh, hợp đồng, phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh. |
| **CLO3** | Có kỹ năng tra cứu, tìm kiếm và cập nhật các văn bản pháp luật mới liên quan đến lĩnh vực luật kinh tế, liên quan đến nhiệm vụ, công việc |
| **CLO4** | Vận dụng các quy định pháp luật để xử lý các tình huống thực tiễn nảy sinh trong hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế; giao kết hợp đồng trong kinh doanh thương mại. |
| **CLO5** | Tham vấn cho cơ quan, tổ chức các vấn đề liên quan đến luật Kinh tế. |
| **CLO6** | Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực pháp luật kinh tế |
| **CLO7** | Có sáng kiến, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau |
| **CLO8** | Có khả năng đưa ra được các nhận xét, kết luận và đề xuất cải tiến các hoạt động về các hoạt động quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO  1.1 | PLO  1.2 | PLO  1.3 | PLO  2.1 | PLO  2.2 | PLO  2.3 | PLO  2.4 | PLO  2.5 | PLO  3.1 | PLO  3.2 | PLO  3.3 | PLO  3.4 |
| CLO1 | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I |
| CLO8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I |

***7.3.10. Học phần 10: Kế toán quốc tế nâng cao***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Kế toán quốc tế nâng cao thuộc chương trình đào tạo Thạc sỹ Kế toán nhằm giới thiệu cho học viên các vấn đề về kế toán quốc tế như: sự đa dạng và nguyên nhân tồn tại sự khác biệt giữa hệ thống kế toán của các quốc gia; toàn cầu hóa và sự cần thiết của hòa hợp kế toán; đánh giá xu hướng hòa hợp trong kế toán hiện tại. Ngoài ra, môn học này đánh giá ý nghĩa và vai trò của IFRS Framework, những nội dung cơ bản của IFRS Framework. Nội dung này làm nền tảng để đối chiếu với khuôn mẫu lý thuyết kế toán của các quốc gia, là nền tảng để ứng dụng xử lý các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác kế toán thời kỳ hội nhập.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Sau khi kết thúc học phần này, học viên có thể nhận dạng sự tương đồng và khác biệt giữa hệ thống kế toán của các quốc gia và hiểu được lý do tạo ra sự đa dạng cũng như sự cần thiết của hòa hợp và hội tụ kế toán trong môi trường toàn cầu hóa. Hiểu được ý nghĩa và vai trò của IFRS Framework. Nắm rõ những nội dung cơ bản của IFRS Framework làm nền tảng để đối chiếu với khuôn mẫu lý thuyết kế toán của các quốc gia. Từ đó ứng dụng để xử lý các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác kế toán thời kỳ hội nhập | PLO 1.2 |
| **CO2** | + Kỹ năng tự nghiên cứu, tìm hiểu, tổng hợp những nghiên cứu về kế toán quốc tế, kế toán tại các quốc gia  + Vận dụng kiến thức những nội dung cơ bản của IFRS Framework làm nền tảng để đối chiếu với khuôn mẫu lý thuyết kế toán của các quốc gia. Ứng dụng để xử lý các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác kế toán thời kỳ hội nhập. | PLO 2.1, 2.3 |
| **CO3** | + Rèn luyện những phẩm chất cần có của một kế toán thời kỳ hội nhập, như trung thực, thận trọng, liêm khiết, bảo mật, biết sử dụng công nghệ thông tin hiệu quả.  + Duy trì niềm say mê, nhiệt huyết với chuyên môn, với nghề nghiệp.  + Nâng cao ý thức tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong công việc.  + Hình thành và bồi đắp tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng với môi trường công việc và khả năng nắm bắt, xử lý thông tin, xử lý tình huống tốt. | PLO 3.1, 3.2 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Học viên có thể nhận dạng sự tương đồng và khác biệt giữa hệ thống kế toán của các quốc gia và hiểu được lý do tạo ra sự đa dạng cũng như sự cần thiết của hòa hợp và hội tụ kế toán trong môi trường toàn cầu hóa. |
| **CLO2** | Có kỹ năng tự nghiên cứu, tìm hiểu, tổng hợp những nghiên cứu về kế toán quốc tế, kế toán tại các quốc gia |
| **CLO3** | Vận dụng kiến thức những nội dung cơ bản của IFRS Framework làm nền tảng để đối chiếu với khuôn mẫu lý thuyết kế toán của các quốc gia. Ứng dụng để xử lý các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác kế toán thời kỳ hội nhập. |
| **CLO4** | Hình thành và bồi đắp tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng với môi trường công việc và khả năng nắm bắt, xử lý thông tin, xử lý tình huống tốt. |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO 1.2 | PLO2.1 | PLO 2.3 | PLO 3.1 | PLO 3.2 |
| CLO 1 | I | I | I | I | I |
| CLO 2 | R | R | R | R | R |
| CLO 3 | I | I | I | I | I |
| CLO 4 | M | M | M | M | M |

***7.3.11. Học phần 11: Đạo đức nghề nghiệp Kế toán Kiểm toán***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về đạo đức nghề nghiệp và các chuẩn mực kiểm toán có liên quan đến chính sách đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kiểm toán, Kiểm soát chất lượng hoạt động Kế toán - Kiểm toán và đánh giá về thực trạng đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán ở Việt Nam. Qua nghiên cứu đạo đức nghề nghiệp và các chuẩn mực kiểm toán giúp người học có thể vận dụng linh hoạt, hiệu quả trong công việc sau này.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Kiến thức về những quy định liên quan đến đạo đức nghề nghiệp và các chuẩn mực kiểm toán có liên quan đến chính sách đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kiểm toán, Kiểm soát chất lượng hoạt động Kế toán - Kiểm toán. Trên cơ sở đó người học có thể đánh giá về thực trạng đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán ở Việt Nam | PLO1.2  PLO2.3 |
| **CO2** | Kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo các chính sách, chuẩn mực kế toán – kiểm toán có liên quan đến đạo đức nghề nghiệp vào đời sống thực tiễn, hoạt động kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp. | PLO2.1  PLO3.4 |
| **CO3** | Khả năng xác định giải quyết các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp kế toán kiểm toán với một thái độ vá trách nhiệm đúng đắn, quan điểm khoa học về đạo đức nghề nghiệp Kế toán – Kiểm toán và kiểm soát chất lượng hoạt động kế toán – kiểm toán ở Việt Nam. | PLO2.1  PLO3.3 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Trình bày được những vấn đề cơ bản về: Đạo đức kinh doanh và Nghề Kế toán - Kiểm toán và Đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán trên cơ sở đó biết được các tiêu chuẩn để Kiểm soát chất lượng hoạt động Kế toán - Kiểm toán ở đơn vị nói riêng và ở Việt Nam nói chung. |
| **CLO2** | Hiểu và vận dụng được những kiến thức để phân tích các tình huống kỹ năng liên quan đến đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán ở Việt Nam theo đúng Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Kế toán – Kiểm toán ở Việt Nam hiện nay. |
| **CLO3** | Có kỹ năng giải quyết tình huống liên quan đến đến đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán ở Việt Nam |
| **CLO4** | Có kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán ở Việt Nam dựa trên các tiêu chuẩn để Kiểm soát chất lượng hoạt động Kế toán - Kiểm hiện nay. |
| **CLO5** | Có tư duy logic trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao liên quan đến đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán. |
| **CLO6** | Có khả năng làm việc độc lập và làm việc trongcác nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán ở Việt Nam; Có khả năng tự chủ, tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.2 | PLO2.1 | PLO2.3 | PLO3.3 | PLO3.4 |
| CLO1 | R |  | M |  |  |
| CLO2 | R |  | M |  |  |
| CLO3 |  | R |  |  | R |
| CLO4 |  | R |  |  | R |
| CLO5 |  | R |  | M |  |
| CLO6 |  | R |  | M |  |

***7.3.12. Học phần 12: Tài chính doanh nghiệp***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã có những biến đổi nhanh chóng và sâu sắc. Một mặt, sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán đã tạo kênh huy động vốn và đầu tư vốn đa dạng hơn cho các doanh nghiệp. Mặt khác, những biến động thăng trầm của kinh tế thế giới và Việt Nam trong thời gian qua đã làm cho nhiều doanh nghiệp nước ta làm ăn thua lỗ, không ít doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình hình đó là do vai trò của công tác quản trị tài chính chưa được coi trọng và phát huy đúng mức.

Tài chính doanh nghiệp là một học phần quan trọng của chuyên ngành Tài chính - Kế toán. Học phần trang bị các phương pháp hiện đạivà kỹ năng giúp cho các chuyên gia và các nhà quản lý ra quyết định trong quản trị tài chính như: quyết định đầu tư, quyết định huy động vốn, quyết định phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp,...

**Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)**

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Hiểu sâu hơn về các lý thuyết hiện đại của tài chính doanh nghiệp, được trang bị thêm các kiến thức nâng cao và mới chưa được học trong chương trình cử nhân. Nắm vững các công cụ phân tích, các phương pháp và biết vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong quản lý tài chính tại các doanh nghiệp. | PLO1, PLO2 |
| **CO2** | Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý tài chính tại các doanh nghiệp; có sáng kiến,có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường quản lý tài chính; có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến quản lý tài chính tại các doanh nghiệp | PLO 5, PLO7 |
| **CO3** | Học viên có được các khả năng về phân tích các tình huống và ra quyết định. Biết sử dụng phần mềm máy tính (Excel) để giải quyết một số bài toán quản lý tài chính | PLO 10, PLO14 |

**Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Nắm bắt các kiến thức cơ bản: khái niệm tài chính doanh nghiệp, hoạt động đầu tư, huy động vốn của doanh nghiệp |
| **CLO2** | Hiểu được hoạt động phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp |
| **CLO3** | Nắm được quy trình, nguyên tắc phân tích tài chính doanh nghiệp |
| **CLO4** | Vận dụng các kiến thức về tài chính doanh nghiệp trong một vài trường hợp cụ thể |
| **CLO5** | Sử dụng được các thông tin tài chính để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp |
| **CLO6** | Truyền đạt được các kiến thức về tài chính doanh nghiệp tới nhà đầu tư, các nhà hoạch định tài chính |
| **CLO7** | Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp |
| **CLO8** | Có khả năng hình thành ý tưởng dẫn dắt, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 7 | PLO 10 |
| CLO 1 | R | R | R | R | M | R |
| CLO 2 | M | M | R | R | R | R |
| CLO 3 | R | R | R | R | R | R |
| CLO 4 | M | M | M | M | R | R |
| CLO 5 | R | M | M | R | R | R |
| CLO 6 | M | M | M | R | R | R |
| CLO 7 | R | R | R | R | R | R |
| CLO 8 | R | R | R | R | R | R |

***7.3.13. Học phần 13: Quản lý Nhà nước về kinh tế***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần tập trung vào việc nghiên cứu vai trò, chức năng của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay theo quan điểm chiến lược của Đảng. Thông qua việc tìm hiểu thực trạng của nền kinh tế, đề xuất các biện pháp để đổi mới các công cụ chính sách, pháp luật, kế hoạch, phương pháp quản lý, mục tiêu, chức năng của nhà nước cho phù hợp với sự biến đổi của nền kinh tế. Tìm hiểu về bộ máy, đội ngũ cán bộ cũng như các nguyên tắc, tiêu chuẩn trong tổ chức bộ máy và hoạt động của các cơ quan và cán bộ công chức trong hoạt động quản lý nhà nước.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT Kế toán** |
| CO1 | Nhận thức được bản chất của nhà nước và tầm quan trọng của nhà nước đối với xã hội nói chung và nền kinh tế nói riêng; Nhận biết được những công cụ, phương pháp, mục tiêu,chức năng cũng như các quy luật cơ bản trong nền kinh tế; Nhận biết được các loại thông tin, quyết định và các hình thức kiểm tra giám sát của nhà nước đối với hoạt động Quản lý nhà nước về kinh tế. | POL1: 1.1; 1.3 |
| CO2 | Kỹ năng phân tích, lập luận và vận dụng các công cụ, phương pháp quản lý cơ bản để giải quyết các vấn đề quản lý trong tổ chức nói chung. | POL2: 2.3 |
| CO3 | Thông qua việc tìm hiểu môn học, người học sẽ có những hiểu biết nhất định về các hình thức quản lý vĩ mô của nhà nước, qua đó định hướng các hoạt động trong tương lai để tạo nên sự phù hợp với cơ chế hiện hành. Hình thành nên một tư duy khoa học mới khi xem xét các sự vật, hiện tượng. Nó không tách rời, biệt lập mà luôn có sự tác động qua lại với các sự vật và hiện tượng khác. | POL3: 3.1 |

***CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* |
| CLO1 | Nhận biết được sự tồn tại của các quy luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam cũng như sự tác động của chúng. Vận dụng những kiến thức, hiểu biết vào thực tiễn xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế, bao gồm: cải tiến các công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng, hệ thống thông tin, quyết định cũng như các công cụ kiểm soát nền kinh tế. |
| CLO2 | Áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để ra quyết định trong một số các tình huống liên quan đến quản lý nhà nước về kinh tế. |
| CLO3 | Có khả năng làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế. |
| CLO4 | Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý nhà nước về kinh tế; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Có khả năng tự chủ, tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*- Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*- Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*- Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **PLO1.1** | **PLO1.3** | **PLO2.3** | **PLO3.1** |
| **CLO1** | M |  |  |  |
| **CLO2** |  | M |  |  |
| **CLO3** |  |  | M |  |
| **CLO4** |  |  |  | R |

***7.3.14. Học phần 14: Kế toán tài chính nâng cao***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Kế toán tài chính nâng cao thuộc trình độ đào tạo Thạc sĩ của khung chương trình đào tạo Kế toán, ngành đào tạo: Kế toán nhằm giới thiệu cho học viên cao học những vấn đề chuyên sâu trong nghiên cứu các nguyên tắc, quy định của các đối tượng kế toán là TSCĐ, Bất động sản đầu tư, Hàng tồn kho, doanh thu và thu nhập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Đồng thời, học phần đi sâu về phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kế toán phức tạp liên quan đến các đối tượng kế toán trong các doanh nghiệp ở nước ta hiện nay.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT Kế toán** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực kế toán. | PLO1.2; PLO1.3 |
| **CO2** | Khả năng đọc, phân tích, so sánh và cập nhật văn bản, chuẩn mực, thông tư hướng dẫn liên quan đến kế toán tài chính nâng cao. | PLO2.1; PLO2.2; PLO2.3 |
| **CO3** | Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, tu dưỡng phẩm chất đạo đức cá nhân, tự định hướng và thích nghi với công việc kế toán. | PLO3.2; PLO3.3 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Giải thích được từng chuẩn mực kế toán Việt Nam liên quan đến các khoản mục nói trên trong BCTC. |
| **CLO2** | Có khả năng cập nhật các nội dung mới liên quan đến chuyên ngành được ban hành liên quan đến học phần kế toán tài chính nâng cao. |
| **CLO3** | Áp dụng linh hoạt, thích ứng trong hoàn cảnh mới, làm việc có kế hoạch, suy nghĩ và làm việc độc lập sáng tạo; luôn tập trung cho kết quả công việc. |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.2 | PLO1.3 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO2.3 | PLO3.2 | PLO3.3 |
| CLO1 | M | M |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R | M |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  | M | M |

***7.3.15. Học phần 15: Kế toán quản trị nâng cao***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Kế toán quản trị nâng cao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán nhằm giới thiệu cho học viên một số nội dung chuyên sâu về kế toán quản trị như: kế toán quản trị chi phí, định giá sản phẩm, kế toán trách nhiệm và tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| CO1 | Nắm được các kiến thức về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; định giá sản phẩm; kế toán trách nhiệm và tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp. | PLO1.2 |
| CO2 | Kỹ năng phân tích, lập luận, đánh giá trách nhiệm của nhà quản lý và lựa chọn phương án kinh doanh hiệu quả. | PLO2.1  PLO2.3 |
| CO3 | Khả năng tư duy hệ thống, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu cũng như thực hiện công tác kế toán quản trị một cách độc lập, sáng tạo. | PLO3.1  PLO3.4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Nắm được các kiến thức cốt lõi về kế toán quản trị thông qua khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng và phương pháp của kế toán quản trị.  Hiểu rõ được các cách phân loại chi phí, giá thành, tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm và kế toán trách nhiệm, tổ chức công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp. |
| **CLO2** | Có kỹ năng phân tích, tổng hợp số liệu kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm, định giá sản phẩm, dự toán sản xuất kinh doanh và đánh giá trách nhiệm quản lý. |
| Có kỹ năng đánh giá thực trạng để nâng cao hiệu quả tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp |
| **CLO3** | Có khả năng lập luận và tư duy hệ thống để đề xuất các sáng kiến, giải pháp quan trọng trong tổ chức công tác kế toán quản trị tại doanh nghiệp |
| Có khả năng thực hiện các hoạt động quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động liên quan đến công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **PLO1** | | | **PLO2** | | | | | **PLO3** | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** | **3.4** |
| **CLO1** |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CLO2** |  |  |  | M |  | M |  |  |  |  |  |  |
| **CLO3** |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  | M |

***7.3.16. Học phần 16: Kiểm toán tài chính nâng cao***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ kế toán nhằm giới thiệu cho học viên những kiến thức và kỹ năng về kiểm toán tài chính, được thiết kế thành các chuyên đề chuyên sâu và cập nhật các vấn đề tồn tại trong thực tế và nghiên cứu kiểm toán tại Việt Nam và trên thế giới bao gồm: trình tự, phương pháp và chất lượng của kiểm toán tài chính; các định hướng nghiên cứu trong nước và trên thế giới về lĩnh vực kiểm toán tài chính và mối quan hệ với các lĩnh vực khác.

Học phần giúp người học có khả năng tư duy và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn và trong nghiên cứu một cách độc lập, sáng tạo và thích ứng với môi trường biến đổi của lĩnh vực kiểm toán tài chính.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Kiến thức lí luận và thực tiễn chuyên sâu về trình tự, phương pháp, chất lượng và các vấn đề khác của kiểm toán tài chính. | PLO1.2, PLO1.3 |
| **CO2** | Hiểu biết cập nhật các xu hướng kiểm toán tài chính trong nước và trên thế giới; mối quan hệ giữa kiểm toán tài chính với các lĩnh vực khác. | PLO1.2, PLO1.3 |
| **CO3** | Kỹ năng tự nghiên cứu, tổng hợp, phân tích, đánh giá những vấn đề lí luận và thực tiễn về kiểm toán tài chính; | PLO2.1, PLO2.2, PLO2.3 |
| **CO4** | Kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn và bổ trợ vào thực tiễn vào việc phát hiện và giải quyết vấn đề về lí luận và thực tiễn công tác kiểm toán-kế toán-tài chính. | PLO2.1, PLO2.2, PLO2.3 |
| **CO5** | Ý thức kỷ luật, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công việc ở mức độ cao; Tuân thủ tuyệt đối các quy tắc đạo đức và chuẩn mực nghề nghiệp | PLO3.2, PLO3.3, PLO3.4 |
| **CO6** | Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả; Khả năng tư duy, sáng tạo, khoa học; Khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp. | PLO3.2, PLO3.3 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Hiểu, giải thích được những vấn đề lí luận và thực tiễn liên quan đến kiểm toán tài chính. |
| **CLO2** | Vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết những tình huống thực tiễn chuyên sâu trong lí luận và thực tiễn kiểm toán tài chính; Phân tích, tổng hợp, đánh giá được những vấn đề lí luận và thực tiễn liên quan đến kiểm toán tài chính. |
| **CLO3** | Có khả năng đề xuất biện pháp, phương án nhằm cải thiện, đổi mới về lí luận và thực tiễn kiểm toán-kế toán, tài chính. |
| **CLO4** | Có ý thức tuân thủ các qui định và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; Có tinh thần và thái độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Có tinh thần độc lập và hợp tác trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp kiểm toán. |
| **CLO5** | Có khả năng nắm bắt xu hướng, tự định hướng hoạt động nghề nghiệp; Linh hoạt và sáng tạo trong công việc, nhanh chóng thích ứng với môi trường nghề nghiệp thay đổi; Có năng lực hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và hoạt động thực hiện trong lĩnh vực kế toán-kiểm toán. |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.2 | PLO1.3 | PLO2.2 | PLO2.3 | PLO3.2 | PLO3.3 | PLO3.4 |
| CLO1 | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  | M |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | M | M |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  | M | M | M |
| CLO5 |  |  |  |  | M | M |  |

***7.3.17. Học phần 17: Phân tích báo cáo tài chính nâng cao***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Lập và phân tích Báo cáo tài chính nâng cao là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán. Học phần này, trang bị cho học viên những kiến thức thực tế chuyên sâu về Lập và phân tích Báo cáo tài chính, phân tích báo cáo tài chính qua các chỉ tiêu tài chính, phân tích dòng tiền và dự báo các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính. Từ đó, giúp người học có kỹ năng phân tích các thông tin về tình hình tài chính doanh nghiệp một cách đầy đủ và khoa học. Đồng thời, học phần cung cấp cho học viên đưa ra kết luận dự báo về tình hình tài chính của doanh nghiệp trong tương lai từ đó là cơ sở cung cấp thông tin hữu ích giúp nhà quản trị đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn đặt hiệu quả cao.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Nắm vững kiến thức chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính, phân tích báo cáo tài chính qua các chỉ tiêu tài chính, phân tích dòng tiền và dự báo các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính. | PLO1.2  PLO1.3 |
| **CO2** | Kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề trong phân tích BCTC nói riêng và trong công tác kế toán nói chung một cách độc lập. | PLO2.1  PLO2.3 |
| **CO3** | Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, điều hành, kiểm soát các hoạt động lập và phân tích BCTC doanh nghiệp trong điều kiện khác nhau;  Có khả năng dự báo và đưa ra các biện pháp cụ thể, khả thi để cải thiện tình hình tài chính và nâng cao năng lực tài chính cho doanh nghiệp cũng như đưa ra các lời khuyên hữu ích cho những người quan tâm đến BCTC (các nhà đầu tư). | PLO3.1; PLO3.3  PLO3.4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)***

| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| --- | --- |
| **CLO1** | Nắm được những kiến thức chuyên sâu về phân tích BCTC. |
| **CLO2** | Nắm được những kiến thức thực tế về phân tích dòng tiền và dự báo các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính |
| **CLO3** | Phân tích và đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp một cách đầy đủ, toàn diện. |
| **CLO4** | Đánh giá và dự báo báo về dòng tiền, tình hình tài chính trong doanh nghiệp. |
| **CLO5** | Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, điều hành, kiểm soát các hoạt động lập và phân tích BCTC doanh nghiệp trong điều kiện khác nhau. |
| **CLO6** | Có khả năng dự báo và đưa ra các biện pháp cụ thể, khả thi để cải thiện tình hình tài chính và nâng cao năng lực tài chính cho doanh nghiệp cũng như đưa ra các lời khuyên hữu ích cho những người quan tâm đến BCTC (các nhà đầu tư). |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **PLO1.2** | **PLO1.3** | **PLO2.1** | **PLO2.3** | **PLO3.1** | **PLO3.3** | **PLO3.4** |
| **CLO1** | M | M |  |  |  |  |  |
| **CLO2** | M | M |  |  |  |  |  |
| **CLO3** |  |  | M | M |  |  |  |
| **CLO4** |  |  | M | M |  |  |  |
| **CLO5** |  |  |  |  | M | M | M |
| **CLO6** |  |  |  |  | R | R | M |

***7.3.18. Học phần 23: Kiểm soát quản lý***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần kiểm soát quản lý nhằm giới thiệu cho học viên những kiến thức sâu về Kiểm soát quản lý, hiểu biết về Kiểm soát quản lý, quan điểm, bản chất về kiểm soát quản lý, cơ sở lý thuyết về Kiểm soát quản lý; gắn kết và kiểm soát các hành vi của các thành viên, thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập nội dung kiểm soát quản lý trong từng cơ cấu tổ chức, và trình tự các hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý. Giới thiệu cho học viên các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu Kiểm soát quản lý, ứng dụng các nghiên cứu trong Kiểm soát quản lý, đồng thời, đề cập đến kiểm soát quản lý trong một số đơn vị đặc thù như đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và tổ chức phi lợi nhuận.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Nhằm trang bị cho học viên viên những kiến thức sâu về Kiểm soát quản lý, hiểu biết về Kiểm soát quản lý, quan điểm, bản chất về kiểm soát quản lý, cơ sở lý thuyết về Kiểm soát quản lý | PLO1.2, PLO1.3 |
| **CO2** | Gắn kết và kiểm soát các hành vi của các thành viên, thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập nội dung kiểm soát quản lý trong từng cơ cấu tổ chức, và trình tự các hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý | PLO1.2, PLO1.3 |
| **CO3** | Giới thiệu cho học viên các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu Kiểm soát quản lý, ứng dụng các nghiên cứu trong Kiểm soát quản lý đồng thời, đề cập đến kiểm soát quản lý trong một số đơn vị đặc thù như đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và tổ chức phi lợi nhuận | PLO2.1, PLO2.2, PLO2.3 |
| **CO4** | Kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn và bổ trợ vào thực tiễn vào việc phát hiện và giải quyết vấn đề về lí luận và thực tiễn công tác kiểm toán-kế toán-tài chính. | PLO2.1, PLO2.2, PLO2.3 |
| **CO5** | Ý thức kỷ luật, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công việc ở mức độ cao; Tuân thủ tuyệt đối các quy tắc đạo đức và chuẩn mực nghề nghiệp | PLO3.2, PLO3.3, PLO3.4 |
| **CO6** | Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả; Khả năng tư duy, sáng tạo, khoa học; Khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp. | PLO3.2, PLO3.3 |

**8. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | - Đạt được sự hiểu biết cơ bản về khoa học và nghề nghiệp kiểm soát, quản lý, kiểm toán như: khái niệm, bản chất của Kiểm soát quản lý; cơ sở lý thuyết của Kiểm soát quản lý; ứng dụng các lý thuyết kiểm toán trong nghiên cứu Kiểm soát quản lý;  - Hiểu được các quan điểm trong nghiên cứu Kiểm soát quản lý;  - Nhận biết được những mô hình tổ chức công tác kiểm soát quản lý trong các đơn vị kinh tế, cơ sở tổ chức công tác kiểm soát và quản lý trong các đơn vị kinh tế. |
| **CLO2** | - Kỹ năng tự nghiên cứu, tìm hiểu, tổng hợp những nghiên cứu về kiểm soát và quản lý qua các thời kỳ, các quan điểm, phương pháp sử dụng trong Kiểm soát quản lý;  - Vận dụng kiến thức cơ bản của môn học vào thực tiễn và phục vụ nghiên cứu các môn học chuyên ngành của Kiểm soát quản lý;  - Các kỹ năng bổ trợ như khai thác, cập nhật quy định mới về Kiểm soát quản lý; làm việc nhóm (yêu cầu quan trọng của nghề nghiệp kiểm toán); phát hiện và giải quyết vấn đề;… |
| **CLO3** | *-* Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm  - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá, tìm tòi  - Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều hành, theo dõi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm, lập mục tiêu, phân tích chương trình. |
| **CLO4** | Có ý thức tuân thủ các qui định và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; Có tinh thần và thái độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Có tinh thần độc lập và hợp tác trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp kiểm toán. |
| **CLO5** | Có khả năng nắm bắt xu hướng, tự định hướng hoạt động nghề nghiệp; Linh hoạt và sáng tạo trong công việc, nhanh chóng thích ứng với môi trường nghề nghiệp thay đổi; Có năng lực hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và hoạt động thực hiện trong lĩnh vực kế toán-kiểm toán. |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.2 | PLO1.3 | PLO2.2 | PLO2.3 | PLO3.2 | PLO3.3 | PLO3.4 |
| CLO1 | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  | M |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | M | M |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  | M | M | M |
| CLO5 |  |  |  |  | M | M |  |

***7.3.19. Học phần 19: Kiểm toán nội bộ nâng cao***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần *Kiểm toán nội bộ nâng cao* được xây dựng trên cơ sở chọn lọc và phát triển nâng cao những kiến thức của học phần kiểm toán nội bộ (KTNB) thuộc chương trình đào tạo bậc đại học. Học phần này bao gồm những kiến thức về kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp được tiếp cận ở mức độ chuyên sâu hoặc nâng cao. Học phần bao gồm: Những vấn đề khái quát về KTNB trong doanh nghiệp như lịch sử hình thành và phát triển của KTNB trên thế giới và ở Việt Nam, bản chất và vai trò của KTNB hiện đại, cơ sở pháp lí của KTNB,... Các vấn đề liên quan đến tổ chức KTNB trong doanh nghiệp cũng như trình tự chung tổ chức một cuộc KTNB trong doanh nghiệp. Một số chuyên đề KTNB trong doanh nghiệp như kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán BCTC. Đặc điểm KTNB trong một số lĩnh vực đặc thù như ngân hàng, xây dựng cơ bản, các cơ quan nhà nước và hành chính sự nghiệp.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Hiểu và nắm vững các quy định pháp luật của Nhà nước đối với tổ chức công tác kiểm toán nội bộ trong các loại hình tổ chức khác nhau;  Có kiến thức chuyên sâu về kiểm toán nội bộ theo một số chuyên đề kiểm toán của kiểm toán nội bộ như kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo tài chính | PLO 1.1  PLO 1.2; |
| **CO2** | Phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề liên quan lĩnh vực kiểm toán nội bộ phát sinh trong doanh nghiệp theo đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp dưới nhiều hình thức | PLO 1.3;  PLO 2.1 |
| **CO3** | Đề xuất các sáng kiến quan trọng trong quản trị tài chính, kế toán tại đơn vị, đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán nội bộ.  Đánh giá thực trạng công việc và vận dụng vào việc thực hiện được các hoạt động quản lý, đánh giá và cải tiến công tác kiểm toán nội bộ trong đơn vị | PLO 2.3  PLO 3.1  PLO 3.3  PLO 3.4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Hiểu và nắm vững các quy định pháp luật của Nhà nước đối với tổ chức công tác kiểm toán nội bộ trong các loại hình tổ chức khác nhau; |
| **CLO2** | Hiểu và vận dụng được kiến thức chuyên sâu về kiểm toán nội bộ vào thực hiện một số chuyên đề kiểm toán nội bộ như kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo tài chính |
| **CLO3** | Khai thác và phân tích dữ liệu, giải thích và lập luận để giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác kiểm toán nội bộ trên cơ sở vận dụng dụng thành thạo, hiệu quả các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và giao tiếp. |
| **CLO4** | Đề xuất các sáng kiến quan trọng trong quản trị tài chính, kế toán tại đơn vị, đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán nội bộ. |
| **CLO5** | Đánh giá thực trạng công việc và vận dụng vào việc thực hiện được các hoạt động quản lý, đánh giá và cải tiến công tác kiểm toán nội bộ trong đơn vị; |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT Kế toán** | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | **PLO2** | | | | | **PLO3** | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** | **3.4** |
| CLO1 | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  | I |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  | I |

***7.3.20. Học phần 20: Kế toán Ngân hàng thương mại***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Kế toán ngân hàng thương mại thuộc học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ nói chung. Học phần sẽ trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu hơn nữa về kế toán ngân hàng, các nghiệp vụ hạch toán trong ngân hàng theo chuẩn mực kế kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế. Qua nghiên cứu, học viên tham chiếu các thể lệ, chế độ và thực hành tại các ngân hàng Việt Nam với các nước để hiểu rõ các chính sách, chế độ của Nhà nước trong lĩnh vực kế toán ngân hàng. Ngoài ra, học phần giúp cho học viên ở bậc thạc sĩ có điều kiện tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế và thông lệ thực hành kế toán trong lĩnh vực ngân hàng.

**Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)**

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về công tác kế toán trong các ngân hàng thương mại, bao gồm hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán... để từ đó người học có cách nhìn bao quát hơn về công tác kế toán ngân hàng trong tổng thể của tổ chức quản lý. | PLO1.2  PLO1.3 |
| **CO2** | Giúp người học có kỹ năng vận dụng các kiến thức trong nghiên cứu các chính sách chế độ kế toán tổng thể nói chung và các quy định mang tính pháp luật có liên quan đến hệ thống ngân hàng của Việt Nam nói riêng trong lĩnh vực kế toán và áp dụng thực tế công tác kế toán tại các ngân hàng. | PLO2.1  PLO2.2  PLO2.3 |
| **CO3** | Tự chủ trong việc thu thập, tìm hiểu, nghiên cứu các chế độ toán và văn bản luật có liên quan. Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp | PLO3.1  PLO3.2  PLO3.3 |

**Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Giải thích được khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng, yêu cầu, phương pháp và nguyên tắc kế toán ngân hàng; Trình bày được nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán trong các NHTM. |
| Sử dụng được các phương pháp kế toán (phương pháp tài khoản, phương pháp chứng từ, phương pháp ghi sổ kép, phương pháp tính giá các đối tượng kế toán, phương pháp báo cáo, phương pháp kiểm tra) |
| Trình bày được kết cấu tài khoản cũng như sử dụng phương pháp ghi sổ kép trong việc định khoản kế toán trong TCTD đặc biệt là các ngân hàng thương mại. |
| **CLO2** | Kế toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các ngân hàng thương mại bao gồm quá trình huy động, cho vay, thanh toán,… và kế toán xác định kết quả kinh doanh. |
| **CLO3** | Tổ chức công tác kế toán, kiểm tra kế toán và kiểm toán trong hệ thống ngân hàng thương mại. |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.2 | PLO1.3 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO2.3 | PLO3.1 | PLO3.2 | PLO3.3 |
| CLO1 | R | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | M | R | M |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  | R | R | M |

***7.3.21. Học phần 21: Báo cáo tài chính hợp nhất***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Báo cáo hợp nhất là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành đào tạo thạc sĩ kế toán. Học phần này, trang bị cho học viên cao học những vấn đề lý luận về Báo cáo tài chính hợp nhất như nguyên tắc chung về Báo cáo tài chính hợp nhất, phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất và qui trình hợp nhất các Báo cáo tài chính hợp nhất trong các tập đoàn kinh tế qui mô lớn ở Việt Nam. Từ đó, có thể vận dụng vào việc lập và hợp nhất các Báo cáo tài chính trong các tập đoàn kinh tế qui mô lớn ở Việt Nam hiện nay. Đây là những kiến thức mà học viên đại học chuyên ngành kế toán chưa được đề cập đến trong chương trình đào tạo kế toán tại các trường đại học.

Học phần này giúp người học (i) vận dụng Luật, chuẩn mực và chế độ, chính sách tài chính kế toán liên quan đến hợp nhất kinh doanh nhằm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, (ii) Xử lý được quy trình, nghiệp vụ kế toán hợp nhất kinh doanh trong doanh nghiệp, Tập đoàn kinh tế, (iii) Có khả năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc chuyên môn, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp và ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Kiến thức chuyên sâu về tập đoàn, Báo cáo tài chính hợp nhất, phạm vi hợp nhất, phương pháp hợp nhất và quy trình hợp nhất báo cáo tài chính. | PLO1.2 |
| **CO2** | Vận dụng Luật, chuẩn mực và chế độ, chính sách tài chính kế toán liên quan đến hợp nhất kinh doanh nhằm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, (ii) Xử lý được quy trình, nghiệp vụ kế toán hợp nhất kinh doanh trong doanh nghiệp, Tập đoàn kinh tế. | PLO1.3; PLO1.2.1; PLO1.2.2 |
| **CO3** | Có khả năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc chuyên môn, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp và ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. | PLO3.1; PLO3.3 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| --- | --- |
| **CLO1** | Nhận biết kiến thức về tập đoàn, công ty mẹ-con; các vấn đề cơ bản về hợp nhất kinh doanh; các phương pháp hợp nhất kinh doanh; kỹ thuật hợp nhất kinh doanh; các bước hợp nhất BCTC. |
| **CLO2** | Hiểu rõ về tập đoàn, kiểm soát, phạm vi hợp nhất và vận dụng được các phương pháp hợp nhất BCTC, quy trình hợp nhất BCTC. |
| **CLO3** | Phân tích được mối quan hệ giữa mẹ-con trong tập đoàn và các mối quan hệ khác. |
| **CLO4** | Áp dụng được các kiến thức phân tích, tính toán trong chu trình hợp nhất BCTC để thực hiện tốt các bài tập, tư duy sáng tạo nhằm giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình hợp nhất BCTC tương ứng với từng mối quan hệ trong các tập đoàn. |
| **CLO5** | Đề xuất được các giải pháp liên quan đến vấn đề đầu tư trong tập đoàn |
| **CLO6** | Làm việc theo nhóm tích cực và hiệu quả |
| **CLO7** | Sử dụng thành thạo các công cụ hỗ trợ lập báo cáo tài chính hợp nhất |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **PLO1.2** | **PLO1.3** | **PLO2.1** | **PLO2.2** | **PLO3.1** | **PLO3.3** |
| **CLO1** | M | R | R | R | R | I |
| **CLO2** | M | R | R | R | R | I |
| **CLO3** | M | R | R | I | R | I |
| **CLO4** | M | R | R | R | R | I |
| **CLO5** | M | R | M | R | R | I |
| **CLO6** | M | R | R | R | R | I |
| **CLO7** | R | R | R | R | R | I |

***7.3.22. Học phần 22: Kiểm soát nội bộ nâng cao***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Nội dung của học phần Kiểm soát nội bộ nâng cao sẽ giúp học viên nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về một số nội dung kiểm soát hàng tồn kho, kiểm soát chi phí và giá thành, kiểm soát chu trình mua hàng và thanh toán; kiểm soát chu trình bán hàng và thu tiền; Kiểm soát chu trình ngân quỹ và kiểm soát chu trình tiền lương và nhân sự; các hoạt động kiểm soát nội bộ trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

***Mục tiêu học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  **(Goal description)** | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| CO1 | Hiểu và nắm vững nội dung, quy trình kiểm soát nội bộ trong đơn vị một cách toàn diện, chuyên nghiệp đối với chu trình hàng tồn kho, chi phí và giá thành; Kiểm soát chu trình mua hàng và thanh toán; Kiểm soát chu trình bán hàng và thu tiền; Kiểm soát chu trình ngân quỹ; Kiểm soát chu trình tiền lương và nhân sự*.* | PLO 1.1  PLO 1.2 |
| CO2 | Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Phân tích, đánh giá hệ thống kiểm soát đối với các chu trình quan trọng của doanh nghiệp như chu trình mua hàng, chu trình bán hàng, chu trình tiền lương, nhân sự, chu trình ngân quỹ và kiểm soát dữ liệu trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin. | PLO 2.1  PLO 2.3  PLO 2.4 |
| CO3 | Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và giải quyết các vấn đề liên quan đến kiểm soát nội bộ. Tu dưỡng phẩm chất đạo đức cá nhân, tự định hướng và thích nghi với công việc | PLO 3.2  PLO 3.3  PLO 3.4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần***

|  |  |
| --- | --- |
| **­Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  **Sau khi học xong môn học này, người học có thể:** |
| **CLO 1** | Hiểu và nắm vững nội dung, quy trình kiểm soát nội bộ trong các phần hành quan trọng của đơn vị một cách toàn diện, chuyên nghiệp: Kiểm soát chu trình hàng tồn kho, chi phí và giá thành; Kiểm soát chu trình mua hàng và thanh toán; Kiểm soát chu trình bán hàng và thu tiền; Kiểm soát chu trình ngân quỹ; Kiểm soát chu trình tiền lương và nhân sự*.* |
| **CLO 2** | Học viên có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Phân tích, xử lý hoạt động kiểm soát đối với các chu trình quan trọng của doanh nghiệp như chu trình mua hàng, chu trình bán hàng, chu trình tiền lương, nhân sự, chu trình ngân quỹ và kiểm soát dữ liệu trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin. |
| **CLO 3** | Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề kiểm soát nội bộ trong đơn vị; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO 1.1 | PLO 1.2 | PLO 2.1 | PLO 2.3 | PLO 2.4 | PLO 3.2 | PLO 3.3 | PLO 3.4 |
| CLO1 | M | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R | M |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  | R | M | M |

***7.3.23. Học phần 23: Chuyên đề thực tế 1 - 3TC***

Học phần Chuyên đề thực tế 1 thuộc chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán sau khi học viên được trang bị những kiến thức chuyên sâu về kế toán và các kiến thức bổ trợ khác. Học phần giúp học viên tiếp cận thực tiễn, nâng cao khả năng xử lý và thực hiện công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực kế toán như kế toán tài chính, kế toán quản trị, hệ thống thông tin kế toán, phân tích báo cáo tài chính...

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  *(COs)* | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về chính sách và định hướng phát triển kinh tế, đồng thời giúp học viên có kiến thức lý thuyết vững chắc và kiến thức thực tế chuyên sâu về kế toán để quản lý, giải quyết, điều hành những vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn trong lĩnh vực nghiên cứu tại đơn vị cụ thể. | PLO1.1  PLO1.2 PLO1.3 |
| **CO2** | Tăng cường kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá vấn đề nghiên cứu từ đó cung cấp các kỹ năng tổ chức, thực hành các nghiệp vụ kế toán có độ phức tạp cao có tính liên ngành. | PLO2.1  PLO2.2  PLO2.3  PLO2.5 |
| **CO3** | Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nhằm định hướng các đơn vị thực hiện để nâng cao hoạt động chuyên môn về kế toán trên cở sở tổng hợp, phân tích và đánh giá vấn đề đang nghiên cứu. | PLO3.1  PLO3.2  PLO3.3  PLO3.4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | **CLO1.1** | Vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về đường lối, chính sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam vào lĩnh vực kế toán |
| **CLO1.2** | Trên cơ sở kiến thức lý thuyết, vận dụng vào thực tế để giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán như kế toán tài chính, kế toán quản trị, hệ thống thông tin kế toán, phân tích báo cáo tài chính.. |
| **CLO1.3** | Điều hành các hoạt động chuyên môn kế toán trên cơ sở vận dụng các kiến thức chung về kế toán tài chính và kế toán quản trị. |
| **CLO2** | **CLO2.1** | Đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ kế toán một cách khoa học và tiên tiến trên cơ sở phân tích dữ liệu tại đơn vị nghiên cứu. |
| **CLO2.2** | Trao đổi, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học trong lĩnh vực kế toán. |
| **CLO2.3** | Nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng những giải pháp mới trong lĩnh vực kế toán. |
| **CLO2.4** | Sử dụng trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phục vụ công tác nghiên cứu các tài liệu nước ngoài.. |
| **CLO3** | **CLO3.1** | Đề xuất các sáng kiến quan trọng trong lĩnh vực kế toán đặc biệt là kế toán quản trị, kế toán tài chính, hệ thống thông tin kế toán, phân tích tình hình tài chính trên cơ sở nghiên cứu, tổng hợp, phân tích dữ liệu kế toán tại đơn vị. |
| **CLO3.2** | Hướng dẫn người khác thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn về kế toán và phân tích trên cơ sở các giải pháp được đề xuất trong quá trình nghiên cứu. |
| **CLO3.3** | Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ kế toán. |
| **CLO3.4** | Thực hiện được các hoạt động quản lý, đánh giá và cải tiến chuyên môn nghề nghiệp kế toán và phân tích. |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT Kế toán** | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | **PLO2** | | | |  | **PLO3** | | |
| 1.1 | 1.2 | 1.3 | 2.1 | 2.2 | 2.3 | 2.5 | 3.1 | 3.2 | 3.3 | 3.4 |
| CLO1 | R | M | M |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  | M | R | M | R |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  | M | M | R | M |

***7.3.24. Học phần 24: Chuyên đề thực tế 2 - 3TC***

Chuyên đề thực tế 02 là học phần học phần bắt buộc của hệ đào tạo cao học Thạc sỹ Kế toán. Học phần được tổ chức vào học kỳ 4 năm thứ 2 sau khi HV đã tích lũy đủ số tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên sâu về kế toán-kiểm toán và các kiến thức bổ trợ khác trong chương trình đào tạo.

Học phần được thực hiện thông qua việc HV đi thực tế tại trong thời gian …. tuần tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phù hợp. Qua đó, học phần giúp học viên tiếp cận thực tiễn về công tác kiểm toán-kiểm soát một cách toàn diện, chuyên sâu; liên hệ và vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị nhằm xử lý và thực hiện các công việc theo chuyên môn nghiệp vụ nghề nghiệp trong lĩnh vực kiểm soát, kiểm toán một cách độc lập, sáng tạo đáp ứng yêu cầu của công việc trong bối cảnh mới.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng PLO**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng kiến thức về kinh tế xã hội, tổ chức quản lý nói chung và công tác kế toán, kiểm toán và kiểm soát tại một đơn vị nói riêng một cách khoa học, nhuần nhuyễn. | PLO1.1  PLO1.2 PLO1.3 |
| **CO2** | Kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá về công tác kế toán, kiểm toán và kiểm soát ở mức độ chuyên sâu và khoa học cũng như kỹ năng đánh giá thực trạng công việc, truyền đạt kết quả nghiên cứu để nâng cao hiệu uả công tác trong lĩnh vực kiểm toán-kiểm soát. | PLO2.1  PLO2.2  PLO2.3 |
| **CO3** | Khả năng đưa ra kết luận và ý kiến tư vấn, đề xuất giải pháp, sáng kiến mang tính chuyên gia; hướng dẫn, tổ chức, quản lý và đánh giá trong công tác chuyên môn về kiểm soát- kiểm toán trong lĩnh vực kế toán- kiểm soát-kiểm toán. | PLO3.1  PLO3.3  PLO3.4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* | |
| **CLO1** | Kiểm chứng và vận dụng nhuần nhuyễn kiến thức nâng cao về kế toán, kiểm toán và kiểm soát vào việc giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực kiểm toán –kiểm soát và việc quản lý điều hành hoạt động chuyên môn kiểm toán –kiểm soát của đơn vị. |
| **CLO2** | Kỹ năng tổng hợp, phân tích về công tác kế toán, kiểm toán và kiểm soát ở mức độ chuyên sâu và khoa học;  Kỹ năng đánh giá thực trạng công việc để nâng cao hiệu quả công tác trong lĩnh vực kiểm toán-kiểm soát. |
| **CLO3** | Kỹ năng tư vấn, đề xuất sáng kiến, giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán- kiểm soát-kiểm toán  Khả năng tổ chức cho đơn vị thực hiện các giải pháp, sáng kiến, cải tiến trong công tác chuyên môn về kiểm soát- kiểm toá |
| **CLO4** | Khả năng đưa ra đánh giá và kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kế toán- kiểm soát-kiểm toán.  Khả năng truyền đạt, hướng dẫn và tổ chức quản lý các hoạt động chuyên môn về kiểm soát- kiểm toán |

**Ma trận mức độ đáp ứng của PLO học phần đối với PLO CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT Kế toán-Kiểm toán** | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | **PLO2** | | | | | **PLO3** | | | |
| 1.1 | 1.2 | 1.3 | 2.1 | 2.2 | 2.3 | 2.4 | 2.5 | 3.1 | 3.2 | 3.3 | 3.4 |
| CLO1 | R | M | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  | M | R | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  | R | R |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  | R | R |

***7.3.25. Học phần 25: Đề án tốt nghiệp - 6TC***

Học phần Đề án tốt nghiệp CTĐT Thạc sĩ Kế toán giúp học viên có điều kiện tiếp cận thực tế, vận dụng những kiến thức thực tế sâu rộng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích để tổng hợp, phân tích, đánh giá các hoạt động thực tiễn trong công tác kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính tại đơn vị nghiên cứu. Từ đó, giúp học viên đề xuất các giải pháp giúp đơn vị hoàn thiện hệ thống kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính tại đơn vị nghiên cứu. Đồng thời, học phần giúp học viên đáp ứng đầy đủ chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT** |
| CO1 | Vận dụng kiến thức chung và sâu rộng để quản lý điều hành và giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính. | PLO1.2  PLO1.3 |
| CO2 | Kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng công tác kế toán, kiểm toán và phân tích theo từng nội dung nghiên cứu tại đơn vị. | PLO2.1  PLO2.2  PLO2.3  PLO2.4 |
| CO3 | Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính. Từ đó, hướng dẫn đề xuất và giúp đơn vị cải tiến chuyên môn nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và cung cấp thông tin tài chính giúp nhà quản trị đơn vị kịp thời đưa ra các quyết định điều hành. | PLO3.1  PLO3.2  PLO3.3  PLO3.4 |

***CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, học viên có thể:* |
| CLO1 | Tổng hợp các kiến thức chung về tài chính, kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính theo từng nội dung nghiên cứu. |
| CLO2 | Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu theo từng nội dung nghiên cứu của đề tài. |
| CLO3 | Tổng hợp, phân tích, đánh giá thưc trạng công tác kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính theo từng nội dung nghiên cứu của đề tài. |
| CLO4 | Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính. Từ đó, hướng dẫn đề xuất và giúp đơn vị cải tiến chuyên môn nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và đưa ra quyết định kinh doanh hiệu quả. |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*- Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*- Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*- Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO 1.2 | PLO 1.3 | PLO 2.1 | PLO 2.2 | PLO 2.3 | PLO 2.4 | PLO 3.1 | PLO 3.2 | PLO 3.3 | PLO 3.4 |
| CLO1 | M | M |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | M | M |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | M | M | M | M |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  | M | M | M | M |

**8. Phương pháp giảng dạy – học tập**

- Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của học viên.

- Lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng học viên, chẳng hạn học viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp học viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Ngược lại, các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho học viên năm thứ hai, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích học viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc lĩnh vực kế toán - kiểm toán.

- Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo đều yêu cầu học viên tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần của học viên. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp học viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, học viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

Các phương pháp dạy và học nói trên giúp người học đạt được PLOs, thể hiện trong Bảng 10.

**Bảng 10: Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy - học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chiến lược và phương pháp**  **dạy – học** | **PLOs** | | | | | | | | | | | |
| PLO  1.1 | PLO  1.2 | PLO  1.3 | PLO  2.1 | PLO  2.2 | PLO  2.3 | PLO  2.4 | PLO  2.5 | PLO  3.1 | PLO  3.2 | PLO  3.3 | PLO  3.4 |
| **I. Kiến thức cơ bản** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Phương pháp dạy học  - Thuyết trình  − Thảo luận nhóm  − Đặt-giải quyết vấn đề  2. Phương pháp học tập  - Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp.  - Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giảng viên, tranh luận với bạn.  - Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau liên quan đến môn học theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. | x |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  | x |
| **II. Kiến thức ngành** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Phương pháp dạy học  - Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kĩ năng sinh viên sẽ đạt được thông qua môn học.  - Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan.  - Thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai….  - Tham gia guest speaker  2. Phương pháp học tập  - Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp.  - Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn.  - Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. | x | x | x |  | x | x |  |  | x |  |  |  |
| **III. Kiến thức chuyên ngành** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Phương pháp dạy học  - Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kĩ năng học viên sẽ đạt được thông qua môn học;  - Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan.  - Thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai…  - Nghiên cứu tình huống, bài tập lớn, tiểu luận, phương pháp học tập theo dự án…  2. Phương pháp học tập  - Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp.  - Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn.  - Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. |  | x | x | x | x | x | x | x |  | x | x | x |

**9. Phương pháp đánh giá và hệ thống tính điểm**

***9.1. Phương pháp đánh giá***

**Bảng 11: Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLOs**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phương pháp đánh giá**  **(Assessment methods)** | | **PLOs** | | | | | | | | | | | | | |
| PLO  1.1 | PLO  1.2 | PLO  1.3 | PLO  2.1 | PLO  2.2 | PLO  2.3 | PLO  2.4 | PLO  2.5 | PLO  3.1 | PLO  3.2 | PLO  3.3 | PLO  3.4 | |
| **I** | **Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Điểm danh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 2 | Xây dựng phát biểu của học viên | x | x |  |  |  | x |  |  | x |  |  |  | |
| 3 | Thuyết trình và thảo luận nhóm, phản biện | x | x | x |  | x | x | x | x |  | x | x | x | |
| 4 | Kiểm tra thường xuyên | x | x | x | x |  |  | x |  | x |  |  |  | |
| **II** | **Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Kiểm tra giữa học phần | x | x | x | x |  |  | x |  | x | x | x |  | |
| 2 | Thi kết thúc học phần | x | x | x | x |  |  | x |  | x | x | x |  | |
| 3 | Bảo vệ luận văn thạc sĩ | x | x | x | x | x | x | x | x |  | x | x |  | |

***9.2. Hệ thống tính điểm***

Trường Đại học Kinh tế và QTKD sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá người học như sau:

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

**10. Tổ chức thực hiện**

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh năm 2022 cho học viên ngành thạc sĩ Kế toán.

Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết và thực hiện kế hoạch đào tạo nhằm thực hiện các mục tiêu và đáp ứng các chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật 2 (hai) năm một lần, khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho trường để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Thái Nguyên, tháng 08 năm 2022*  **Trưởng Khoa Kế toán**  *(đã ký)*  **PGS.TS. Đỗ Thị Thúy Phương** |